

PHẦN MỞ ĐẦU

I. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Ngày nay nói đến du lịch là nói đến một nhu cầu không thể thiếu của con người. Khi nền kinh tế ngày càng phát triển, mức sống của con người được nâng cao rõ rệt thì nhu cầu vui chơi, giải trí ...càng trở nên đa dạng, phong phú. Du lịch cũng góp phần rất lớn trong sự phát triển kinh tế chung của mỗi quốc gia. Nó không chỉ thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển mà còn tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn người lao động góp phần giải quyết tình trạng thất nghiệp, nâng cao mức sống của người dân địa phương....

Hiện nay cùng với xu hướng quốc tế hóa, toàn cầu hóa các quốc gia còn mở rộng quá trình hội nhập. Chính sự hội nhập ấy đã thúc đẩy mạnh mẽ hơn bao giờ hết nhu cầu giao lưu, tìm hiểu, học hỏi... lẫn nhau giữa các dân tộc. Đây là những điều kiện rất thuận lợi cho du lịch phát triển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn không chỉ ở Việt Nam mà còn ở hầu hết các quốc gia trên thế giới.

Việt Nam – đất nước của hòa bình đã và đang mang trong mình một nền văn hóa phương Đông với bề dày lịch sử bốn nghìn năm, nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, đa dạng trong thống nhất mà không phải quốc gia nào cũng có. Với cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, núi non sơn thủy hữu tình, con người thân thiện, mến khách và chính sách mở cửa của Đảng và nhà nước ta trong những năm qua du lịch nước ta không ngừng phát triển mạnh mẽ và gặt hái được nhiều thành tựu đáng kể.

Hải Phòng không chỉ được biết đến là thành phố trực thuộc Trung ương của Việt Nam mà còn được biết đến như là một trung tâm du lịch đầy tiềm năng. Cùng với Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng là một trong ba thành phố phát triển mạnh nhất miền Bắc với nhiều dự án lớn đã và đang được triển khai. Với tài nguyên phong phú, vị trí địa lý thuận lợi, con người mến khách và một nền văn hóa có bề dày lịch sử ... Nơi đây đã trở thành một trung tâm du lịch hấp dẫn du khách trong và ngoài nước.

Nói đến Hải Phòng không thể không nhắc tới Đồ Sơn – một điểm du lịch nổi tiếng của Hải Phòng. Với đặc thù về địa hình núi rừng uốn, khu du lịch Đồ Sơn nổi tiếng với những phong cảnh sơn thủy hữu tình, có đường bờ biển dài 2.450 m được chia thành ba khu riêng biệt. Điều hay nhất là cả ba khu vực đều có nhiều di tích lịch sử giá trị, các dịch vụ du lịch hấp dẫn, hệ thống đường giao thông hiện đại thông suốt....

Cùng với các di tích lịch sử văn hóa như Bến Nghiêng, Bến tàu không số, Biệt thự Bảo Đại, ... các công trình kiến trúc về tôn giáo tín ngưỡng cũng đóng góp một phần không nhỏ trong tài nguyên du lịch của Đồ Sơn. Có thể kể đến như: Đền Bà Đẻ, Đền Nam Hải Thần Vương, Chùa Hang ... Các công trình này không chỉ mang ý nghĩa về đời sống tâm linh mà còn là một minh chứng về đời sống văn hóa của người dân Đồ Sơn từ quá khứ đến hiện tại. Nơi đây hàng năm đã và đang thu hút đông đảo khách du lịch từ các nơi đến tham quan.

Tiềm năng du lịch tại các di tích lịch sử tôn giáo to lớn như vậy nhưng hiện tại các điểm du lịch này khai thác chưa thực sự hiệu quả. Đặc biệt các hoạt động du lịch ở một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng còn đơn lẻ, cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế, cơ sở vật chất phục vụ cho du lịch còn thiếu. Do đó tuy là một điểm du lịch rất hấp dẫn nhưng lượng khách đến đây còn chưa tương xứng, vai trò đối với sự phát triển của xã hội đặc biệt là du lịch còn hạn chế.

Xuất phát từ điều này nên tác giả đã mạnh dạn nghiên cứu, tìm hiểu và đánh giá vai trò cũng như tiềm năng của một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng đối với sự phát triển chung của khu du lịch ở Đồ Sơn. Từ đó đề xuất một số giải pháp hữu hiệu nhằm khắc phục những hạn chế, tạo ra các sản phẩm mới, độc đáo thu hút, hấp dẫn du khách góp phần thúc đẩy du lịch Đồ Sơn phát triển.

II. MỤC ĐÍCH CỦA ĐỀ TÀI

Nghiên cứu một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng của Đồ Sơn để từ đó thấy rõ được vị trí, vai trò, tiềm năng khai thác phục vụ du lịch của các di tích

lịch sử tôn giáo tín ngưỡng này. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp hữu hiệu để khai thác các di tích làm phong phú nguồn tài nguyên, đa dạng về sản phẩm thu hút du khách đến tham quan, đồng thời góp phần giữ gìn, tôn tạo di tích.

III. NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ TÀI

Để đạt được các mục đích trên khóa luận phải đạt được các nhiệm vụ sau:

Cơ sở lý luận làm nền tảng cho vấn đề nghiên cứu.

Tổng quan về quận Đồ Sơn, thực trạng, tiềm năng phát triển du lịch của Đồ Sơn và vị thế của các di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng trong hệ thống tài nguyên du lịch ở đây.

Giới thiệu khái quát về một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng ở Đồ Sơn như: Chùa Hang, Chùa Tháp Tường Long, Đền Bà Đẻ, đền Nam Hải Thần Vương, Đền Nghè. Nghiên cứu những giá trị độc đáo của các di tích nói trên từ đó cho thấy tiềm năng phát triển du lịch của các di tích này.

Thực trạng việc khai thác phục vụ và phát triển du lịch tại các di tích nói trên. Từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm thúc đẩy du lịch Đồ Sơn phát triển.

IV. Ý NGHĨA KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

Về mặt khoa học: Đề tài đem lại cái nhìn đầy đủ hơn về khu du lịch Đồ Sơn và các di tích lịch sử tôn giáo, tín ngưỡng ở đây. Từ đó khẳng định những giá trị của các di tích đặc biệt là đối với phát triển du lịch.

Về mặt thực tiễn: Những kết quả của việc điều tra, nghiên cứu và một số giải pháp mà tác giả đưa ra có thể áp dụng trong việc quy hoạch phát triển du lịch của quận Đồ Sơn, góp phần thúc đẩy du lịch phát triển nâng cao mức sống của người dân địa phương.

V. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Phạm vi là một số di tích lịch sử tôn giáo, tín ngưỡng ở Đồ Sơn như: Chùa Hang, Chùa Tháp Tường Long, Đền Bà Đẻ, đền Nam Hải Thần Vương, Đền Nghè.

VI. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

Lý luận về du lịch và tài nguyên du lịch, hoạt động du lịch tại Đồ Sơn .

Một số di tích lịch sử tôn giáo, tín ngưỡng ở Đồ Sơn như : Chùa Hang, Chùa Tháp Tường Long , Đền Bà Đế , đền Nam Hải Thần Vương , Đền Nghè.

VII. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để hoàn thành bài khóa luận này tác giả đã sử dụng những quan điểm và phương pháp nghiên cứu sau :

Quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử

Quan điểm hệ thống

Quan điểm phát triển du lịch bền vững

Quan điểm kế thừa

Phương pháp khảo sát thực địa

Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu

Phương pháp thống kê, phân tích, so sánh tổng hợp và mô hình hóa

VIII. KẾT CẤU KHÓA LUẬN

Ngoài phần mở đầu phần nội dung của khóa luận gồm có ba chương :

Chương 1 : Cơ sở lí luận của đề tài – Khái quát về cơ sở hình thành các di tích tôn giáo tín ngưỡng ở Đồ Sơn.

Chương 2 : Một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng ở Đồ Sơn và tiềm năng khai thác phục vụ du lịch .

Chương 3 : Thực trạng và một số giải pháp đẩy mạnh việc khai thác phục vụ phát triển du lịch tại các di tích.

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI – KHÁI QUÁT VỀ CƠ SỞ HÌNH THÀNH CÁC DI TÍCH TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG Ở ĐỒ SƠN.

1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1.1. Một số khái niệm

1.1.1.1. Khái niệm tài nguyên

Theo Phạm Trung Lương và nnk : “Tài nguyên hiểu theo nghĩa rộng gồm tất cả các nguồn nguyên liệu, năng lượng và thông tin có trên trái đất và trong không gian vũ trụ liên quan, mà con người có thể sử dụng phục vụ cho cuộc sống và sự phát triển của mình” .

Theo PGS.TS. Trần Đức Thanh : “Tài nguyên là tất cả những nguồn thông tin, vật chất, năng lượng được khai thác phục vụ cuộc sống và sự phát triển của xã hội loài người. Đó là những thành tạo hay tính chất của thiên nhiên, những công trình, những sản phẩm do bàn tay khối óc của con người làm nên , những khả năng của loài người , ... Được sử dụng phục vụ cho sự phát triển kinh tế và xã hội của cộng đồng ” .

Mỗi khái niệm đều có những hạn chế nhất định nhưng nhìn chung có thể nói ngắn gọn như sau : “Tài nguyên là tất cả những gì tồn tại trong vũ trụ được sử dụng để phục vụ cho mục đích sống của con người”.

Hiện nay nhiều học giả , tổ chức đã tiến hành phân loại tài nguyên theo một số cách như sau :

Theo khả năng tái tạo tài nguyên có thể chia thành hai loại : tài nguyên hữu hạn và tài nguyên vô hạn . Những tài nguyên có khả năng tái tạo là những loại tài nguyên được sử dụng và bảo vệ hợp lí thì có khả năng tái tạo được như tài nguyên đất, nước hay một số công trình kiến trúc do con người xây dựng. Những tài nguyên không thể tái tạo được là sau khi đưa vào sử dụng chúng bị cạn kiệt mất đi giá trị ban đầu và không có khả năng tái tạo được.

Theo nguồn gốc hình thành có hai loại tài nguyên : Tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn .

Theo tài nguyên đã được khai thác và tài nguyên chưa được khai thác thì tài nguyên được phân làm tài nguyên đã được khai thác và tài nguyên tiềm năng (chưa được khai thác).

Nói chung tài nguyên có vai trò đặc biệt góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ đời sống con người. Việc sử dụng tài nguyên một cách hợp lí, hiệu quả cũng như bảo tồn và tôn tạo các giá trị của tài nguyên không chỉ là việc của mỗi quốc gia, địa phương mà còn là ý thức và trách nhiệm của mỗi cá nhân trong cộng đồng .

1.1.1.2. Khái niệm tài nguyên du lịch

Theo Th.S. Bùi Thị Hải Yến : “Tài nguyên du lịch là tất cả những gì thuộc về tự nhiên và các giá trị văn hóa do con người sáng tạo ra có sức hấp dẫn du khách , có thể bảo vệ , tôn tạo và sử dụng cho ngành du lịch mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường ” .

Theo khoản 4 - điều 4 – chương 1 Luật du lịch Việt Nam năm 2005 quy định : “Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử văn hóa, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch , là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch” .

Cũng giống như tài nguyên nói chung tài nguyên du lịch gồm có hai loại: Tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn. Trong đó tài nguyên du lịch tự nhiên gồm các thành phần : địa chất, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái, cảnh quan tự nhiên đang được khai thác hoặc có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch. Tài nguyên du lịch nhân văn gồm có tài nguyên du lịch nhân văn vật thể và tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể .

Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể gồm: di sản văn hóa truyền miệng và phi vật thể của nhân loại, các giá trị văn hóa phi vật thể của quốc gia, địa

phương: (các lễ hội, nghề và làng nghề truyền thống, văn hóa nghệ thuật, ẩm thực, ngôn ngữ, các đối tượng gắn với dân tộc học, các đối tượng văn hóa thể thao hoặc những hoạt động có tính sự kiện ,...) .

Trên cơ sở nghiên cứu phương pháp và hệ thống phân loại tài nguyên du lịch đồng thời do phạm vi của bài khóa luận nghiên cứu về “Một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng ...” nên tác giả xin phép được đi sâu vào những vấn đề sau :

1.1.1.3. Khái niệm di tích lịch sử - văn hóa

Theo luật di sản văn hóa của Việt Nam năm 2003: “Di tích lịch sử văn hóa là những công trình xây dựng và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm có giá trị lịch sử - văn hóa và khoa học ”.

Di tích lịch sử văn hóa chứa đựng những truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, trí tuệ, tài năng, giá trị văn hóa, kiến trúc, mỹ thuật của mỗi địa phương, mỗi quốc gia. Di tích lịch sử văn hóa là tài nguyên nhân văn quý giá được hình thành, bảo tồn, tôn tạo của nhiều thế hệ ở các địa phương và các quốc gia. Vì vậy nhiều di tích lịch sử văn hóa đã trở thành đối tượng tham quan, nghiên cứu, thực hiện các nghi lễ tâm linh của nhiều du khách và là nguồn tài nguyên du lịch quý giá .

Trong suốt chiều dài lịch sử trải qua bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước, với truyền thống uống nước nhớ nguồn, nhớ ơn tổ tiên nên có rất nhiều công trình địa điểm trở thành các di tích lịch sử ghi dấu lại những chiến công oanh liệt chống giặc ngoại xâm, gắn liền với các sự kiện trọng đại của đất nước, dân tộc. Tính đến ngày 30/12/2006 cả nước ta có 1.367 di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng cấp quốc gia .

1.1.2. Các loại di tích lịch sử văn hóa

1.1.2.1. Di tích khảo cổ

Các di tích khảo cổ là những di sản văn hóa lịch sử bị vùi lấp trong lòng đất hoặc hiện diện trên mặt đất được phát hiện khi các nhà khoa học hoặc các cá

nhân nghiên cứu khai quật thấy. Các di tích khảo cổ gồm các loại : di chỉ cư trú, di chỉ mộ táng, những công trình kiến trúc cổ, những đô thị cổ, những tàu thuyền bị đắm .

Các di chỉ cư trú thường tìm thấy trong hang động, các thềm sông cổ, các bãi sườn đồi gần các hồ nước hoặc bầu nước, một số đảo gần bờ. Ở Việt Nam các nhà khảo cổ học cũng đã tìm thấy những dấu tích kiến trúc, các công trình kiến trúc và các cổ vật quý minh chứng cho các đô thị, các kinh thành cổ như: nền cung điện thời Đinh và Tiền Lê ở cố đô Hoa Lư, di tích khảo cổ Hoàng Thành – 18 đường Hoàng Diệu – Hà Nội, ...

Di tích những con tàu đắm thường được khai quật thấy trên những con đường đi biển.

1.1.2.2. Các di tích lịch sử

Các di tích lịch sử là những địa điểm, công trình kỉ niệm, vật kỉ niệm, những cổ vật ghi dấu lịch sự kiện lịch sử, những cuộc chiến đấu, những danh nhân , anh hùng dân tộc của thời kì nào đó trong quá trình lịch sử của mỗi địa phương, mỗi quốc gia. Các di tích lịch sử bao gồm các loại :

- Di tích ghi dấu sự kiện chính trị quan trọng tiêu biểu có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển của quốc gia, địa phương
- Di tích ghi dấu về dân tộc học
- Các di tích ghi dấu chiến công chống quân xâm lược
- Di tích ghi dấu cuộc đời, sự nghiệp của các danh nhân, các vị anh hùng dân tộc
- Di tích ghi dấu những kết quả lao động sáng tạo vinh quang của quốc gia
- Di tích ghi dấu tội ác của đế quốc, phong kiến...

1.1.2.3. Các di tích kiến trúc nghệ thuật

Các di tích kiến trúc nghệ thuật là những công trình kiến trúc có giá trị cao về kỹ thuật xây dựng cũng như mỹ thuật trang trí hoặc các tác phẩm nghệ thuật điêu khắc, các bức bích họa, các công trình kiến trúc...

Trong các di tích kiến trúc nghệ thuật còn mang trong mình những giá trị lịch sử như : các cổ vật, bảo vật quốc gia, vật kỉ niệm và những giá trị văn hóa phi vật thể như truyền thống văn hóa, truyền thuyết, các giá trị lịch sử tâm linh, tôn giáo ... nên nhiều nhà nghiên cứu gọi chung là di tích lịch sử văn hóa nghệ thuật .

Hiện nay trên thế giới cũng như Việt Nam có rất nhiều di tích kiến trúc nghệ thuật có giá trị cao về nhiều mặt đã và đang trở thành một điểm hấp dẫn khách du lịch đến tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu, học hỏi. Ở Việt Nam di tích kiến trúc nghệ thuật khá đa dạng bao gồm : đình, chùa, đền, miếu, nhà thờ , nhà cổ, lăng mộ, các tòa thành, cung điện, cầu, các tác phẩm điêu khắc, hội họa nổi tiếng, các bi kí, ... Trong đó có những di tích tôn giáo tín ngưỡng là những di tích kiến trúc nghệ thuật lưu giữ nhiều giá trị về kiến trúc, mỹ thuật, lịch sử, văn hóa và là những điểm tham quan, nghiên cứu có sức hấp dẫn lớn đối với du khách như : chùa, đình, đền, nhà thờ, ...

1.1.2.4. Các danh lam thắng cảnh

Các danh lam thắng cảnh là những cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ và khoa học.

1.1.2.5. Các công trình đương đại

Là những công trình được xây dựng trong thời kì hiện đại có giá trị về kiến trúc, mỹ thuật, khoa học, kỹ thuật xây dựng, kinh tế văn hóa, thể thao hấp dẫn du khách có thể là đối tượng tham quan, nghiên cứu, vui chơi giải trí, chụp ảnh kỉ niệm đối với khách du lịch. Các công trình đương đại bao gồm hệ thống các bảo tàng, các sân vận động , trung tâm hội nghị, hội thảo, các tòa nhà có giá trị về nhiều mặt hấp dẫn du khách.

Các di tích lịch sử văn hóa là nguồn tài nguyên du lịch quý giá góp phần bảo tồn giá trị lịch sử, giáo dục truyền thống yêu nước, biết ơn cho thế hệ hiện tại và thế hệ mai sau. Đặc biệt ngày nay du lịch phát triển, cùng với các tài nguyên khác di tích lịch sử văn hóa đã và đang trở thành điểm tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu, thực hiện các nghi lễ tâm linh của khách du lịch. Mỗi một di tích lịch sử đều có những giá trị văn hóa, lịch sử, thẩm mỹ, kiến trúc riêng thể hiện những nét văn hóa đặc trưng của mỗi dân tộc. Sự góp mặt của các di tích lịch sử văn hóa đã góp phần làm phong phú, đa dạng hóa sản phẩm du lịch của từng quốc gia, từng địa phương. Đây cũng là điều kiện, nền tảng để phát triển các hoạt động du lịch về nguồn.

1.1.3. Khái quát về tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt

Cũng giống như các yếu tố văn hóa khác, tín ngưỡng của người Việt mang đậm màu sắc của nền văn hóa nông nghiệp. Điều này được thể hiện rõ trong tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên, tín ngưỡng sùng bái con người.

Trước hết là tín ngưỡng phồn thực : Đối với văn hóa nông nghiệp việc duy trì và phát triển sự sống là một việc rất hệ trọng. Để duy trì sự sống cần cho mùa màng tươi tốt, để phát triển sự sống cần cho con người sinh sôi. Hình thức sản xuất lúa gạo và sản xuất con người này nhìn chung là có bản chất giống nhau, đó là sự kết hợp giữa các yếu tố đất – trời, mẹ - cha. Xuất phát từ ước vọng là cầu mong sự sinh sôi, nảy nở của tự nhiên và con người của cư dân nông nghiệp nói chung và Đông Nam Á nói riêng, kết quả là xuất hiện tín ngưỡng phồn thực (phồn : nhiều, thực : nảy nở) – tín ngưỡng cầu mong sự sinh sôi nảy nở. Tín ngưỡng phồn thực của người Việt được biểu hiện dưới hai dạng : thờ cơ quan sinh dục và thờ hành vi giao phối.

Trong tín ngưỡng sùng bái tự nhiên đó là sự tôn trọng gắn bó mật thiết với thiên nhiên. Con người sống phụ thuộc vào thiên nhiên nhưng không thể giải thích các hiện tượng đó. Họ nhìn thấy ở thiên nhiên một sức mạnh thần bí và tôn sùng nó như thần thánh. Điều này được thể hiện rõ trong đối tượng thờ như: thần

mây, mưa, sấm, chớp, bà Đất, Bà Trời, ... Ngoài ra trong tín ngưỡng sùng bái tự nhiên của người Việt còn có việc thờ động vật, thực vật. Động vật được người Việt thờ nhiều nhất là chim, rắn, cá sấu. Thậm chí họ còn hình tượng hóa những con vật này lên mức biểu trưng Tiên, Rồng. Thực vật mà người Việt sùng bái nhất là cây Lúa (thần Lúa, mẹ Lúa, hồn Lúa ...), cây Đa, cây Dâu, quả Bầu, ...

Ngoài tín ngưỡng phồn thực, sùng bái tự nhiên, tín ngưỡng Việt Nam rất coi trọng con người. Tín ngưỡng sùng bái con người được thể hiện qua quan niệm hồn và vía, tục thờ cúng Tổ tiên, thờ Thổ Công trong phạm vi gia đình. Trong phạm vi làng xã là tục thờ Thành Hoàng làng, trong phạm vi quốc gia người Việt thờ Vua Tổ - vua Hùng. Ngoài ra người Việt còn thờ bốn vị thánh bất tử, đó là Tản Viên, Thánh Gióng, Chử Đồng Tử và Liễu Hạnh. Tuy nhiên ở tín ngưỡng sùng bái con người, tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên đóng vai trò quan trọng nhất. Tín ngưỡng này có mặt ở nhiều dân tộc Đông Nam Á nhưng đối với người Việt nó có một ý nghĩa vô cùng lớn lao và phát triển mạnh mẽ gần như một tôn giáo - người miền Nam gọi đó là đạo Ông Bà.

Là cư dân nông nghiệp nên việc chịu ảnh hưởng đồng thời nhiều yếu tố của tự nhiên đã dẫn đến lối tư duy tổng hợp, linh hoạt và trong tín ngưỡng là tín ngưỡng thờ đa thần. Các thần sống và làm việc theo lối cộng đồng và quan hệ với nhau và với con người theo nguyên tắc dân chủ.

Là con đẻ của nền văn hóa nông nghiệp, tín ngưỡng Việt Nam phản ánh đậm nét nguyên lý âm dương: từ đối tượng thờ cúng (Trời – Đất, Chim – Thú ...) cho đến cách thức giao lưu hai cõi: (chợ âm dương, ông đồng – bà đồng...). Nguyên lý này được thể hiện rõ nhất trong tín ngưỡng phồn thực.

Ngoài ra đặc trưng âm tính của nền văn hóa nông nghiệp là thiên về tình cảm, trọng phụ nữ dẫn tới việc thờ hàng loạt các nữ thần: Bà Trời, Bà Đất, Bà Thủy, nữ thần mây, mưa, sấm, chớp ... Việc thờ các nữ thần của người Việt mạnh đến nỗi sau này Nho giáo du nhập vào cũng không tiêu diệt được vai trò của người phụ nữ, vì thế có thể xem nó như một tôn giáo – Đạo Mẫu.

Ngoài tín ngưỡng truyền thống và những tàn dư của tôn giáo nguyên thủy như một nền tảng vững chắc trong đời sống tâm linh của người Việt suốt chiều dài lịch sử thì Phật giáo, Nho giáo và Thiên Chúa giáo là những tôn giáo du nhập từ bên ngoài vào có ảnh hưởng rộng lớn trên phạm vi cả nước.

Sự du nhập của các tôn giáo lớn trên thế giới vào Việt Nam hòa quyện với văn hóa gốc của dân tộc tạo nên một nền văn hóa thống nhất nhưng đa dạng và phong phú. Các tôn giáo được truyền bá vào nước ta vừa theo con đường hòa bình như Phật giáo, vừa có sự áp đặt như Nho giáo, Thiên Chúa giáo, Tin lành. Nhưng nhìn chung các tôn giáo này khi vào Việt Nam đã dung hợp với tín ngưỡng truyền thống dân gian làm đậm nét hơn cốt cách, tâm hồn, tình cảm của người Việt. Điều đặc biệt giữa các tôn giáo không hề có sự tranh giành tín đồ, bài trừ lẫn nhau như ở một số quốc gia mà luôn có sự dung hòa, hỗ trợ lẫn nhau cùng tồn tại và phát triển. Điều này được thể hiện rõ nhất ở thời kì Lý – Trần, nước ta có sự phát triển song song giữa ba tôn giáo lớn : Phật Giáo, Nho giáo, Đạo giáo hay còn gọi là “Tam giáo đồng nguyên”.

Tuy nhiên dưới thời Lý – Trần Phật giáo vẫn đóng vai trò chủ đạo và được coi là quốc giáo của nước ta. Đến thế kỉ XV khi nhà Lê tôn sùng Nho giáo lên làm quốc giáo cũng là lúc Phật giáo bước vào giai đoạn suy thoái và trong suốt những thế kỉ sau đó Thiên Chúa giáo được du nhập vào nước ta song Nho giáo vẫn luôn giữ vị trí độc tôn. Hiện nay Phật giáo và Thiên Chúa giáo là hai tôn giáo có số lượng tín đồ đông nhất nước ta.

Sau khi du nhập vào nước ta những tôn giáo này đã trở thành một bộ phận hữu cơ của nền văn hóa Việt Nam và đã có những đóng góp to lớn trên các lĩnh vực tư tưởng, triết học, đạo đức, văn hóa, nghệ thuật ... Nhiều di tích lịch sử được xếp hạng là những công trình kiến trúc, điêu khắc của tôn giáo hoặc liên quan tới tôn giáo. Đó là những công hiến đáng kể cho cảnh quan, môi trường văn hóa và du lịch của Việt Nam.

1.2. KHÁI QUÁT VỀ MÔI TRƯỜNG HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG Ở ĐỒ SƠN

1.2.1. Khái quát về quận Đồ Sơn

1.2.1.1. Điều kiện tự nhiên

- **Vị trí địa lí**

Đồ Sơn là một bán đảo được tạo bởi dãy núi chín ngọn vươn ra vịnh Bắc Bộ và một tách ra đứng một mình là hòn núi Độc. Nằm cách trung tâm thành phố Hải Phòng khoảng 20km về phía đông nam, nơi có núi đồi trập trùng quy tụ trong thế cửa long tranh châu, là một vùng đất tốt theo phong thủy của người xưa. Phía Đông và phía Nam giáp Vịnh Bắc Bộ, phía Tây giáp huyện Kiến Thụy, phía Bắc giáp quận Dương Kinh. Nơi đây giữ một vị trí rất quan trọng trong đời sống kinh tế, xã hội của thành phố Hải Phòng, một trung tâm đánh bắt cá và sản xuất muối của đất nước, một điểm du lịch hấp dẫn, khu danh thắng thiên nhiên kì vĩ và vùng văn hóa cổ truyền đặc sắc.

- **Địa hình**

Địa hình đa dạng có vùng đất mới, có vùng đất được hình thành từ lâu đời, đồi núi, đồng bằng kề nhau và đáy biển thoải thoải uốn khúc bên lồi, bên lõm trong một không gian lục địa biển đảo tạo nên vẻ đẹp thiên nhiên sơn thủy hữu tình.

Đồi núi Đồ Sơn với nhiều ngọn núi nối tiếp nhau nhô ra như một bán đảo, đây là điểm nút của dải đồi núi chạy ra từ trong đất liền, có cấu tạo đá cát kết (sa thạch) tuổi Devon, đỉnh cao nhất đạt 125 m, độ dài nhô ra biển 5 km theo hướng tây bắc - đông nam. Ưu thế về cấu trúc tự nhiên này đã tạo cho Đồ Sơn có một vị trí chiến lược quan trọng trên mặt biển, đồng thời cũng là một thắng cảnh nổi tiếng.

- **Khí hậu**

Khí hậu nơi đây chủ yếu mang đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa, có 2 mùa rõ rệt, mùa đông và mùa hè. Mùa gió bắc (mùa đông) lạnh và khô kéo

dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Mùa gió nồm (mùa hè) mát mẻ, nhiều mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10. Nhiệt độ trung bình hàng tháng từ 20 – 23⁰C, cao nhất có khi tới 40⁰C, thấp nhất ít khi dưới 5⁰C. Độ ẩm trung bình trong năm là 80% đến 85%, cao nhất vào những tháng 7, tháng 8, tháng 9, thấp nhất là vào tháng 12 và tháng 1. Lượng mưa trung bình hàng năm từ 1.600 - 1.800 mm. Bão thường xảy ra tập trung từ tháng 6 đến tháng 9 gây tổn thất đến các hoạt động sản xuất và đời sống của người dân.

- **Sinh vật**

Từ xa xưa nơi đây có rất nhiều động vật hoang dã như: hổ, hươu nai, sơn dương, khỉ, cáo, chồn. “Lịch triều hiến chương loại chí” của Phan Huy Chú viết: “...đồi mồi, tôm, cá, hươu nai ở huyện Nghi Dương ...” Đảo Đồ Sơn còn là nơi trú ngụ của các loài chim, cò, vạc ... làm tổ và sinh sản ở vụng Ngọc và rừng Miêu. Nhưng hiện nay do rất nhiều nguyên nhân khác nhau số động vật hoang dã này còn với số lượng rất khiêm tốn hoặc không còn nữa.

Không chỉ có các động vật hoang dã Đồ Sơn xưa còn nổi tiếng với các loài cá và động vật biển: cá chim, thu, nhụ dế, song ngữ, tôm, mực, ...

Thực vật ở đây cũng rất phong phú, đa dạng. Đặc biệt đồi núi Đồ Sơn có rất nhiều loại thảo dược quý : hà thủ ô đỏ, hà thủ ô trắng, lô hội, thạch xương bồ, cây hồng rừng, cây mặt quỷ,

1.2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Đồ Sơn xưa vốn là những hòn đảo trên bãi bùn, về sau được phù sa của các con sông Bạch Đằng, Lạch Tray, Văn Úc bồi đắp đồng thời nhờ công khai phá của con người nên Đồ Sơn mới được như ngày nay.

Có truyền thuyết cho rằng xa xưa Đồ Sơn có tên là Nê Lê, nơi đầu tiên nước ta tiếp nhận Phật giáo do các nhà sư Ấn Độ truyền vào và từ đây đạo Phật được truyền qua Luy Lâu (Bắc Ninh ngày nay), rồi truyền sang Lạc Dương, Trung Quốc. Tên gọi Đồ Sơn cũng có rất nhiều các giải thích khác nhau, tuy nhiên hầu hết các cụ già người bản địa am hiểu đều giải thích “Đồ” với nghĩa là

bùn, “Sơn” là núi bởi nơi đây xưa kia có những ngọn núi nhô lên trên những vũng bùn lầy.

Tên gọi Đồ Sơn đã có từ rất lâu đời. Trong thư tịch cũ nhất “Việt sử lược” đời nhà Trần thế kỉ XIII nói về việc xây tháp Tường Long của vua Lý Thánh Tông có ghi: “Năm Mậu Tuất niên hiệu Long Thụy Thái Bình thứ 5 (1058), mùa thu tháng 9, vua ngự ra cửa biển Ba Lộ, nhân đó ngự ra chỗ xây tháp Tường Long ở Đồ Sơn ...”. Như vậy có thể nói địa danh Đồ Sơn có vào đời nhà Lý. Trải qua thăng trầm của lịch sử, đơn vị hành chính của Đồ Sơn cũng có nhiều thay đổi song hai chữ Đồ Sơn vẫn được giữ nguyên cho đến tận ngày nay.

Thời Minh vùng đất Đồ Sơn ngày nay thuộc huyện An Lão. Năm 1469 đời Lê Thánh Tông An Lão đổi thành huyện Nghi Dương, Đồ Sơn thuộc huyện này. Năm 1813 tổng Đồ Sơn gồm 3 xã: Đồ Sơn, Đồ Hải, Ngọc Tuyền. Đến đời Đồng Khánh Ngọc Tuyền đổi thành Ngọc Xuyên. Theo “Đại Nam nhất thống chí” do sử quán triều Nguyễn biên soạn khởi thảo năm 1864, hoàn thành năm 1882 có viết về Đồ Sơn như sau : “...chu vi 30 dặm, cao 80 trượng, ở giữa có 9 ngọn núi nên cũng gọi là Cửu Long ... dưới chân núi là cư dân 3 xã : Đồ Sơn, Đồ Hải, Ngọc Xuyên. Hai ngọn thứ 7 và thứ 8 có nước chảy quanh ôm lấy, tục gọi là vụng Mát, rộng hơn 100 trượng ... Một ngọn đằng sau phía hữu đứng một mình gọi là Độc Sơn, các giải núi phía tả đối với đồi Song Ngư ở đằng xa tục gọi là Cồn Dừa ...”.

Năm 1898 Đồ Sơn thuộc huyện Nghi Dương, phủ Kiến Thụy, tỉnh Phù Liễn. Từ ngày 17 tháng 2 năm 1906 thuộc tỉnh Kiến An. Ngày 18 tháng 5 năm 1909 thành lập trấn Đồ Sơn gồm hai xã Đồ Sơn và Đồ Hải thuộc tổng Đồ Sơn, huyện Nghi Dương, phủ Kiến Thụy, tỉnh Hải Dương. Xã Ngọc Xuyên được ghép vào tổng Nãi Sơn, phủ Kiến Thụy. Ngày 31 tháng 12 năm 1921 thị trấn Đồ Sơn thuộc thành phố Hải Phòng. Ngày 20 tháng 10 năm 1923 lại thuộc tỉnh Kiến An. Những năm tiếp theo lúc thì Đồ Sơn thuộc Kiến An, lúc thì thuộc Hải phòng. Ngày 14 tháng 3 năm 1963 thành lập thị xã Đồ Sơn thuộc thành phố Hải Phòng

gồm khu vực xã Đồ Sơn và hai xã Vạn Sơn, Ngọc Hải. Ngày 7 tháng 4 năm 1966 chuyển thêm xã Bàng La thuộc thị xã Đồ Sơn. Ngày 26 tháng 12 năm 1970 giải thể xã Bàng La và chuyển các thôn của xã này thành các tiểu khu thuộc thị xã Đồ Sơn. Ngày 5 tháng 3 năm 1980 thành lập huyện Đồ Sơn gồm xã Bàng La, thị trấn Đồ Sơn và 21 xã của huyện An Thủy vốn là 21 xã của huyện Kiến Thụy cũ. Huyện Đồ Sơn tồn tại đến ngày 6 tháng 6 năm 1988 sau đó tái lập thị xã Đồ Sơn trên cơ sở thị trấn Đồ Sơn và xã Bàng La, phần còn lại của huyện Đồ Sơn thuộc huyện Kiến Thụy.

Ngày 12 tháng 9 năm 2007 theo nghị định 145/2007/NĐ-CP của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thành lập quận Đồ Sơn trên cơ sở diện tích tự nhiên của thị xã Đồ Sơn và diện tích tự nhiên của xã Hợp Đức thuộc huyện Kiến Thụy. Quận có 7 phường : Bàng La, Hợp Đức, Minh Đức, Ngọc Hải, Ngọc Xuyên, Vạn Hương, Vạn Sơn .

1.2.1.3 Con người.

Ngay từ buổi sơ khai dựng nước con người đã biết đến mảnh đất Đồ Sơn. Theo các thư tịch cũ thì cư dân Đồ Sơn từ nhiều vùng di cư đến lập nghiệp rồi trở thành dân bản địa. Đến nay người Đồ Sơn vẫn truyền nhau nghe huyền tích về quê hương, làng xóm . Chuyện kể rằng : Thuở mới khai sinh, lập địa có 12 vị tiên công tìm đến Đồ Sơn lập nghiệp. Sáu vị chuyên sống về nghề sông, thấy đất đai vùng này, đã thốt lên.

"Ở đây ăn lợi lộc gì

Lộc sung thì chát, lộc si thì già"

Sáu vị ấy bỏ đi. Còn sáu vị chuyên nghề chài lưới lại hết sức vui mừng :

"Ở đây vui thú non tiên

Ngày ngày đánh cá kiếm tiền nuôi nhau"

Theo gia phả chi họ Hoàng Gia là cuốn gia phả duy nhất còn lại của các dòng họ tới Đồ Sơn đầu tiên. Gia phả cho biết họ Hoàng vốn quê gốc ở làng Chàm Vạc, xã Mộ Trạch, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Vào khoảng thế kỉ

XI nghe lời chiêu dụ dân khai hoang lập ấp của nhà Lý, cụ Hoàng Gia Màu mới đưa con cháu tới Đồ Sơn sinh cơ lập nghiệp sau định cư ở vùng Vạn Sơn ngày nay.

Lại có người cho rằng ngư dân đầu tiên đến Đồ Sơn là người Quảng Xương Thanh Hóa. Họ đi biển bị bão dạt vào rồi sinh cơ lập nghiệp luôn ở đây.

Tuy còn nhiều ý kiến khác nhau nhưng dân Đồ Sơn đều thờ sáu người và các cụ cho rằng đó là đại diện cho sáu dòng họ có công đầu khai phá Đồ Sơn. Đó là các cụ : Lương Nuôi Nường, Lê Hải Bộ , Đinh Chàng Ngọ, Hoàng Đại Hùng, Nguyễn Thanh Sam, Phạm Cao Sơn (tức Cao San). Và họ đều được phong thần gọi là “Lục vị tiên công”.

Nuôi Nường Thần vương (vị họ Lương)

Hải Bộ Thần vương (vị họ Lê)

Chàng Ngọ Thần vương (vị họ Đinh)

Đại Hùng Thần vương (vị họ Hoàng)

Thanh Sam Thần vương (vị họ Nguyễn)

Cao San Thần vương (vị họ Phạm)

Ngày nay Đồ Sơn không chỉ có sáu họ mà còn có rất nhiều họ khác đến sinh sống. Theo thống kê thì hiện nay quận Đồ Sơn có 51.417 người, mật độ là 1.212,44 người/km².

Trong suốt chiều dài lịch sử do tính chất nghề nghiệp và nhiều lí do khác nhau một bộ phận người dân Đồ Sơn đã di cư đến nơi khác lập nghiệp. Đặc biệt là cuộc di cư vào thế kỉ XVIII để tránh sự trả thù của Chúa Trịnh vì hầu hết dân Đồ Sơn đều theo Nguyễn Hữu Cầu khởi nghĩa. Một trong những nơi họ di cư đến là Trà Cổ, Quảng Ninh. Vì thế mới có câu : “Dân Trà Cổ, tổ Đồ Sơn” và ở đình Trà Cổ có câu đối rằng :

Đồ Sơn ngát nhĩ hình hương địa

Trà Cổ nguy nhiên kỷ niệm từ

Dịch:

Đồ Sơn sừng sững đất lừng hương

Trà Cỏ nguy nga đình kỷ niệm

Ngoài Trà Cỏ một số người còn di cư đến vùng đất Cát Bà và một số vùng đất khác sinh sống. Nhưng dù ở bất kì đâu con người Đồ Sơn vẫn toát lên cái khí phách mạnh mẽ, kiên cường, thẳng thắn, chân thật của người con miền biển.

1.2.2. Tiềm năng phát triển du lịch của quận Đồ Sơn.

1.2.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Đồ Sơn là khu du lịch nổi tiếng với thắng cảnh có một không hai của cả nước, nơi đây nổi tiếng với các di tích và danh thắng hoà quyện trong không gian đầy thơ mộng của núi, biển, mây trời. Ở đó có cái đẹp của thiên nhiên, của con người hiện hữu trong từng ngọn núi, bãi biển với những huyền thoại đầy bí ẩn hấp dẫn khách du lịch. Đồ Sơn đã trở thành một khu du lịch biển thu hút ngày càng nhiều khách du lịch đến tham quan và nghỉ dưỡng với một cảnh sắc thiên nhiên đẹp, một quy hoạch đô thị hợp lý.

Du lịch tự nhiên của Đồ Sơn chủ yếu là du lịch biển, do đặc điểm địa hình là ba mặt giáp biển nên đây là điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình du lịch này. Với 2.450m bờ biển đầy cát mịn làm bãi tắm lý tưởng và nhiều loại cây như phi lao, bàng, dừa trồng ven bờ, từ lâu Đồ Sơn đã là một trong số những khu nghỉ mát nổi tiếng của nước ta. Đằng sau bãi biển là những ngọn núi và đồi thông.

Khác với bãi biển Trà Cỏ, Cửa Lò, Qui Nhơn, Đại Lãnh - một đường cong cánh cung thì bãi biển Đồ Sơn chạy vòng vèo gồm nhiều đoạn. Bãi biển Đồ Sơn được chia làm ba khu riêng biệt, mỗi khu đều có bãi tắm riêng.

Khu 1 nằm ngay đầu thị xã Đồ Sơn có bãi tắm chứa được hàng chục ngàn người với nhiều khách sạn lớn. Khu 2 bãi tắm hẹp hơn nhưng mịn màng hơn và là nơi thu hút nhiều du khách đến tắm nhất. Nơi đây có nhiều khách sạn và biệt thự ẩn mình trong rừng thông, theo thống kê thì ở khu 2 có tất cả 6 biệt thự, một

trong số đó là biệt thự của vua Bảo Đại – vị vua cuối cùng của triều đại phong kiến Việt Nam. Đến đây ngoài tắm biển du khách có thể tham gia các trò chơi giải trí như : đá bóng, thả dù, đi canô, đi dạo bằng xe đạp ... hay ăn những món ăn hải sản : cua, ốc, mực nướng, ...

Bãi tắm khu 3 thì khá nhỏ và yên tĩnh, nơi đây có nhà hàng Pagodon nổi tiếng với kiến trúc độc đáo giống như một ngôi chùa. Đặc biệt có khách sạn Vạn Phong cùng rất nhiều biệt thự được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, thư giãn của du khách. Đến đây một địa chỉ không thể bỏ qua là sòng bạc Casino Đồ Sơn. Hàng năm nơi đây thu hút rất nhiều du khách đến vui chơi, giải trí, đặc biệt là khách đến từ Trung Quốc.

Tuy nhiên do tính chất tài nguyên nên loại hình du lịch biển này chịu ảnh hưởng nhiều vào điều kiện thời tiết. Đặc biệt vào mùa hè, Đồ Sơn thu hút rất đông du khách từ khắp mọi miền Việt Nam cũng như khách quốc tế về đây tắm biển, nghỉ ngơi, thư giãn và leo núi, ngắm nhìn phong cảnh thiên nhiên hòa quyện với núi, biển, mây trời.

1.2.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

Do có vị trí địa lí quan trọng nên ngay từ những buổi đầu dựng nước con người đã sớm biết đến mảnh đất Đồ Sơn. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử mảnh đất Đồ Sơn đã và đang thay đổi từng ngày nhưng những dấu tích lịch sử và giá trị văn hóa thì vẫn còn đó. Nó được nhân dân bảo tồn từ thế hệ này qua thế hệ khác nhằm mục đích giáo dục truyền thống “uống nước nhớ nguồn, nhớ ơn tổ tiên”. Đồng thời thể hiện những giá trị văn hóa đặc sắc trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày của người dân Đồ Sơn.

Hiện nay quận Đồ Sơn có 5 di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng cấp quốc gia, 4 di tích cấp thành phố và một số lễ hội nổi tiếng... Trong đó bao gồm các di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng, các di tích lịch sử ghi lại dấu tích sự kiện trọng đại, những địa điểm gắn liền với tên tuổi của các anh hùng dân tộc ... Ngoài các

Một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng ở Đồ Sơn và vai trò của nó đối với sự phát triển du lịch

di tích lịch sử cấp thành phố, cấp quốc gia Đồ Sơn còn nổi tiếng với rất nhiều điểm tham quan du lịch hấp dẫn như : đền Bà Đẻ, Khu Casino – Đồ Sơn, Chợ Cầu Vòng, Biệt thự Bảo Đại, Suối Rồng, đền Cô Chín (đền Long Sơn) ... Nơi đây hàng năm thu hút rất đông khách đến tìm hiểu, khám phá, nghiên cứu.

Dưới đây là bảng thông kê về các loại tài nguyên nhân văn của Đồ Sơn :

Danh sách lễ hội của quận Đồ Sơn

STT	TÊN LỄ HỘI	LOẠI LỄ HỘI	THỜI GIAN TỔ CHỨC	ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC	CẤP QUẢN LÝ	NỘI DUNG LỄ HỘI		
						ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC THỜ	PHẦN LỄ	PHẦN HỘI
1	Lễ hội Chọi Trâu	Lễ hội dân gian	8/6, 9/8 Âm lịch	Sân vận động thị xã Đồ Sơn	Thành phố	Thần Hoàng làng	Nghi lễ tế thần	Múa cờ, chọi trâu
2	Lễ hội Hòn Dấu	Lễ hội dân gian	8,9,10/2 Âm lịch	Hòn Dấu thị xã Đồ Sơn	Thị xã	Nam Hải Đại Vương	Dâng hương	
3	Lễ hội Đền Bà Đẻ	Lễ hội tín ngưỡng	10/1 Âm lịch	Đền Bà Đẻ phường Ngọc Hải	Thị xã	Bà Đẻ	Dâng hương	

Danh sách các di tích lịch sử văn hóa cấp thành phố, cấp quốc gia.

Một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng ở Đồ Sơn và vai trò của nó đối với sự phát triển du lịch

STT	TÊN DI TÍCH	LOẠI DI TÍCH	ĐỊA ĐIỂM	XẾP HẠNG DI TÍCH	Năm công nhận
1	Bến tàu không số(bến K15)	Di tích lịch sử văn hóa	ở chân đồi Vạn Hoa thuộc khu III Đồ Sơn	Cấp quốc gia	Năm 2008
2	Bến Nghiêng	Di tích lịch sử văn hóa	Cuối khu II Đồ Sơn	Cấp quốc gia	Năm 2009
3	Đảo Dấu	Di tích danh lam thắng cảnh	Phường Vạn Hương	Cấp quốc gia	Ngày 22/1/2009
4	Di tích tháp Tường Long	Di tích khảo cổ học	Phường Ngọc Xuyên	Cấp quốc gia	Ngày 16/11/2005
5	Đình Ngọc Xuyên	Di tích lịch sử tôn giáo	Phường Ngọc Xuyên	Cấp quốc gia	
6	Chùa Thiên Phúc	Di tích lịch sử tôn giáo	Phường Bàng La	Cấp thành phố	Năm 2008
7	Đền Nghè	Di tích lịch sử tôn giáo	phường Vạn Hương	Cấp thành phố	
8	Đình Quý Kim	Di tích lịch sử tôn giáo	Phường Hợp Đức	Cấp thành phố	Năm 2004
9	Kho Xăng	Di tích lịch sử văn hóa	Gần sân bay Đồ Sơn	Cấp thành phố	

Một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng ở Đồ Sơn và vai trò của nó đối với sự phát triển du lịch

Danh sách các di tích lịch sử , điểm tham quan, du lịch nổi tiếng khác của Đồ Sơn.

STT	TÊN DI TÍCH	LOAI DI TÍCH	ĐỊA ĐIỂM
1	Đền Bà Đế	Di tích lịch sử tôn giáo	Phường Ngọc Hải
2	Khu Casino – Đồ Sơn	Khu vui chơi giải trí	Khu 3, Phường Vạn Sơn
3	Chợ Cầu Vòng		
4	Biệt thự Bảo Đại	Di tích lịch sử văn hóa	Khu 3, Phường Vạn Sơn
6	Đền Cô Chín (đền Long Sơn)	Di tích lịch sử tôn giáo	Phường Ngọc Xuyên
7	Chùa Hang	Di tích lịch sử tôn giáo	Phường Vạn Sơn
8	Sân Gold	Khu vui chơi giải trí	Phường Bàng La
9	Khu Resot Hòn Dấu	Khu vui chơi giải trí	Khu 3, Phường Vạn Sơn

Cùng với tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá, là nhân tố chính quyết định loại hình, sản phẩm du lịch đặc trưng của từng địa phương.

Tiểu kết chương 1:

Trên đây là cơ sở lí luận làm tiền đề cho việc nghiên cứu đề tài “Một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng ở Đồ Sơn và vai trò của nó đối với sự phát triển du lịch”. Trong đó bao gồm các khái niệm về tài nguyên, tài nguyên du lịch, di tích lịch sử văn hóa và khái quát về tôn giáo và tín ngưỡng của người Việt. Ngoài ra chương này còn cho ta có cái nhìn tổng quan về môi trường hình thành và phát triển các di tích lịch sử tôn giáo, tiềm năng phát triển du lịch của quận Đồ Sơn để từ đó có thể thấy được vị trí của các di tích lịch sử tôn giáo trong hệ thống tài nguyên.

CHƯƠNG 2

MỘT SỐ DI TÍCH LỊCH SỬ TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG TIÊU BIỂU VÀ TIỀM NĂNG KHAI THÁC PHỤC VỤ DU LỊCH.

2.1. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG Ở ĐỒ SƠN

Quá trình hình thành các di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng của Đồ Sơn gắn liền với quá trình hình thành và phát triển mảnh đất Đồ Sơn. Người Đồ Sơn sơ khai đến đây lập nghiệp, cũng giống như bao người Việt khác họ đã tìm cho mình một vị thần bảo trợ. Vị thần ấy chính là “Điểm Tước Thần Vương” – vị thủy thần và sau này là Thành Hoàng của cả vùng Đồ Sơn. Để cảm ơn công đức của thần đã phù hộ, che chở cho họ được khỏe mạnh, bình an, làm ăn phát tài ... họ đã lập đền lễ tạ thần.

Trong suốt chiều dài lịch sử, các công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng của người Đồ Sơn đã được xây dựng và ở mỗi công trình đều gắn liền với những sự kiện lịch sử trọng đại, những người anh hùng dân tộc, những điển cố, truyền thuyết như: đền Nghè với sự kiện ông Tổ của người Đồ Sơn đến lập nghiệp. Chùa Hang – ghi lại dấu tích nơi đầu tiên tiếp nhận đạo Phật du nhập vào nước ta hay đền Long Sơn gắn liền với tên tuổi của nhà sư Phạm Ngọc ...

Ngoài ra từ xa xưa Đồ Sơn đã trở thành căn cứ quân sự của nhiều triều đại và các cuộc khởi nghĩa. Trong lịch sử nơi đây từng đóng vai trò là vị trí phòng thủ, là căn cứ thủy quân, nơi tập kết, luyện binh của nhiều triều đại. Có lẽ vì thế mà các di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng ở Đồ Sơn không chỉ đơn thuần mang ý nghĩa về mặt tâm linh mà còn mang ý nghĩa về mặt quốc phòng . Điển hình trong số đó là Tháp Tường Long được xây dựng dưới đời vua Lý Thánh Tông. Công trình này được xem như là khu tượng đài hoành tráng kỉ niệm nhà Phật, một trạm quan sát tiên tiêu và là hành cung của nhà vua ở miền biển đông bắc của quốc gia Đại Việt.

Một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng ở Đồ Sơn và vai trò của nó đối với sự phát triển du lịch

Trải qua thời gian có thêm rất nhiều đình, đền, chùa, kiến trúc Phật giáo... được xây dựng trên mảnh đất này, tuy nhiên vì những lí do khác nhau mà các công trình này đều bị mai một, xuống cấp hoặc biến mất. Hiện nay ở Đồ Sơn chỉ còn lại một số di tích vẫn được người dân giữ gìn, bảo tồn qua các thế hệ như là một minh chứng cho một nền văn hóa Đồ Sơn từ quá khứ đến hiện tại: đền Bà Đẻ, chùa Hang, đền Nghè ... Ngoài ra cũng có một số công trình được xây dựng trong những năm gần đây nhằm phục vụ nhu cầu tâm linh, văn hóa của cư dân vùng biển này.

Dưới đây là bảng thống kê về các công trình kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng trên địa bàn Đồ Sơn.

STT	Tên cơ sở	Diện tích	Địa điểm	Ghi chú
1	Đền Bà Đẻ	5000m ²	Phường Ngọc Hải	
2	Đình Đoài	237m ²	Phường Ngọc Hải	
3	Đền Vạn Ngang	260m ²	Phường Vạn Hương	
4	Đền Thánh Sư	380m ²	Phường Vạn Hương	
5	Đền Chài	660m ²	Phường Vạn Hương	
6	Đền Chúa	106m ²	Phường Vạn Hương	
7	Đền Bà Thu	40m ²	Phường Vạn Hương	
8	Đền Vụng Hương	330m ²	Phường Vạn Hương	

Một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng ở Đồ Sơn và vai trò của nó đối với sự phát triển du lịch

9	Đền Cầu Đen	141m ²	Phường Hương	Vạn	
10	Đền Hang Trê	80m ²	Phường Hương	Vạn	
11	Đền Nghè	630m ²	Phường Hương	Vạn	Di tích lịch sử cấp Thành phố
12	Đền Dấu	300m ²	Phường Hương	Vạn	
13	Đền Mẫu	400m ²	Phường	Vạn Sơn	
14	Chùa Hang	250m ²	Phường	Vạn Sơn	
15	Đền Lục bộ tôn công	300m ²	Phường	Vạn Sơn	
16	Đền Đức Thánh Trần	400m ²	Phường	Vạn Sơn	
17	Đền Mẫu Thượng	300m ²	Phường	Vạn Sơn	
18	Đền Bà Tèm	300m ²	Phường	Vạn Sơn	
19	Đền Bà Kính Chi	100m ²	Phường	Vạn Sơn	
20	Đền Quan lớn tuần tranh	250m ²	Phường	Vạn Sơn	
21	Đình Nam	100m ²	Phường	Vạn Sơn	
22	Đền Quan lớn đệ tam	250m ²	Phường	Vạn Sơn	
23	Chùa Tháp	5,6 ha	Phường Xuyên	Ngọc	Di tích lịch sử cấp quốc gia
24	Đình Ngọc Xuyên	1000m ²	Phường Xuyên	Ngọc	Di tích lịch sử cấp quốc gia
25	Đền Long Sơn	300m ²	Phường Xuyên	Ngọc	
26	Đền Bà chúa Năm Phương	100m ²	Phường Xuyên	Ngọc	

Một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng ở Đồ Sơn và vai trò của nó đối với sự phát triển du lịch

27	Đền Bà Thông A	100m ²	Phường Ngọc Xuyên	
28	Đền Trình	100m ²	Phường Ngọc Xuyên	
29	Đền Cô Chín	100m ²	Phường Ngọc Xuyên	
30	Đền Bà Chò	100m ²	Phường Ngọc Xuyên	
31	Đền Lạc Long Quân	100m ²	Phường Ngọc Xuyên	
32	Đền Cây Sơn	100m ²	Phường Ngọc Xuyên	
33	Chùa Thiên Phúc	1536m ²	Phường Bàng La	Di tích lịch sử cấp Thành phố
34	Chùa Đồng Tiên	117m ²	Phường Bàng La	
35	Đền ông Thuận	45m ²	Phường Bàng La	
36	Đền Bà Viên	20m ²	Phường Bàng La	
37	Chùa Đức Hậu	3780m ²	Phường Đức Minh	
38	Chùa Phương Linh	868m ²	Phường Đức Minh	
39	Miếu Đá	400m ²	Phường Đức Minh	
40	Đình Làng	1247m ²	Phường Đức Minh	
41	Thủy hoa linh miếu	240m ²	Phường Đức Minh	

Một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng ở Đồ Sơn và vai trò của nó đối với sự phát triển du lịch

			Đức	
42	Chùa Long Khánh	2400m ²	Phường Hợp Đức	
43	Đình Đức Hậu	600m ²	Phường Hợp Đức	
44	Đình Trung Nghĩa	700m ²	Phường Hợp Đức	
45	Đình Quý Kim	4662m ²	Phường Hợp Đức	Di tích lịch sử cấp Thành phố
46	Đền Mẫu	200m ²	Phường Hợp Đức	

(Tư liệu do Phòng Văn hóa – Thông tin quận Đồ Sơn cung cấp)

2.2. MỘT SỐ NGÔI CHÙA TIÊU BIỂU CỦA QUẬN ĐỒ SƠN

2.2.1. Lịch sử hình thành, phát triển và vai trò của Phật giáo trong đời sống cư dân Đồ Sơn

2.2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Phật giáo Việt Nam

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, ngay từ đầu công nguyên các tăng sĩ Ấn Độ đã theo những thuyền buôn lớn tới nước ta. Với hoạt động truyền giáo của các tăng sĩ Ấn Độ đặc biệt là Khâu – đà – la thì Luy Lâu, trụ sở quận Giao Chỉ đã sớm trở thành một trung tâm Phật giáo lớn của nước ta. Từ thế kỉ II – V Phật giáo phát triển ở nước ta chủ yếu là dưới ảnh hưởng của Phật giáo Ấn Độ. Đến thế kỉ IV – V lại có thêm luồng Phật giáo Đại Thừa Bắc Tông từ Trung Hoa truyền vào gồm có ba tông phái chủ yếu là Thiên Tông, Tịnh độ Tông, Mật Tông.

Phật giáo được truyền vào nước ta bằng con đường hòa bình và trong bối cảnh nước ta đang bị nhà Hán đô hộ nên ngay từ những năm đầu công nguyên Phật giáo đã được phổ biến rộng rãi. Đặc biệt dưới thời Lý – Trần Phật giáo Việt Nam phát triển đến mức cực thịnh và trở thành quốc giáo của nước ta. Rất nhiều ngôi chùa, tháp có quy mô lớn hoặc kiến trúc độc đáo được xây dựng trong thời gian này như chùa Phật Tích (Tiên Sơn – Bắc Ninh), chùa Trăm Gian (Hoài Đức – Hà Tây), chùa Diên Hựu (chùa Một Cột – Thăng Long) ... Đặc biệt có bốn

công trình lớn: Tượng Phật ở chùa Quỳnh Lâm (Quảng Ninh), Tháp Báo Thiên, Chuông Quy Điền, Vạc Phổ Minh mà sử sách Trung Hoa gọi là “An Nam Tứ Đại Khí” là những công trình khẳng định thành tựu văn hóa Phật Giáo Việt Nam thời Lí - Trần.

Đến thời Lê Nho giáo được chú trọng phát triển và trở thành quốc giáo của nước ta, Phật giáo dần dần đi vào suy thoái. Đến thế kỉ XVIII Vua Quang Trung đã rất quan tâm đến việc chấn hưng Phật giáo nên đã cho xây dựng các chùa lớn đẹp và trùng tu các công trình đã xuống cấp. Nhưng sau khi ông mất thì việc này không được quan tâm. Đầu thế kỉ XX các cuộc đấu tranh về tư tưởng Phật giáo đã diễn ra hết sức sôi nổi, phong trào chấn hưng Phật giáo dấy lên mạnh mẽ với vai trò của các nhà sư Khánh Hòa và Thiện Chiếu.

Hiện nay Phật giáo là tôn giáo có ảnh hưởng sâu rộng nhất và có số lượng tín đồ đông nhất so với các tôn giáo khác ở Việt Nam. Các công trình kiến trúc, chùa lớn được đầu tư xây dựng như chùa Bái Đính (Ninh Bình) là một hệ thống chùa đạt rất nhiều kỉ lục Việt Nam ...

Có thể nói lịch sử Phật giáo Việt Nam đã trải qua bốn giai đoạn : giai đoạn hình thành và phát triển rộng rãi (từ đầu công nguyên đến hết thời kì Bắc thuộc), giai đoạn cực thịnh (thời Đại Việt), giai đoạn suy tàn (từ thời Lê đến cuối thế kỉ XIX), giai đoạn phục hưng (từ đầu thế kỉ XX đến nay). Cho đến nay Phật giáo đã trở thành một tôn giáo lớn ở Việt Nam và có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tâm linh của người Việt. Đặc biệt ngày 17/8/2008 lần đầu tiên tổ chức lễ hội Phật Đản thế giới đón rất nhiều đại biểu Phật giáo của các nước đến tham quan.

2.2.1.2. Vai trò của Phật giáo trong đời sống của người dân Đồ Sơn

Đồ Sơn là vùng đất cổ. Một số nhà nghiên cứu cho rằng, trong những năm tháng đầu công nguyên, nơi đây là cửa ngõ đón tiếp các thương thuyền và các tăng ni Phật giáo dòng tiểu thừa đến làm ăn, buôn bán và hoằng dương Phật pháp ở đất Giao Châu. Từ Đồ Sơn ngược theo các dòng sông để đến với trung

tâm Luy Lô (Thuận Thành -Hà Bắc), phủ Tống Bình, thành Long Biên (Hà Nội) rất thuận lợi và nhiều người cho đó là con đường du nhập Phật giáo vào Việt Nam trước khi được truyền sang Trung Quốc.

Theo các tài liệu cổ thì các thuyền buôn của Ấn Độ sang Giao Châu đều đi qua các cửa sông Ba Lạt, sông Thái Bình, cửa sông Văn Úc, cửa Đại Bàng, cửa Họng Giang, Lạch Tray, cửa Cấm, cửa Nam Triệu. Tuy nhiên ở tất cả các cửa biển trên đều không có các di tích chùa tháp của đạo Phật, duy chỉ có Đồ Sơn nơi có cửa Đại Bàng, cửa Họng có di tích chùa Hang do nhà sư Ấn Độ có tên là Bần dựng.

Trong từ điển Bách khoa địa danh Hải Phòng cũng có ghi : “Có thuyết chép vùng bán đảo Đồ Sơn thời cổ có tên là Nê Lê – nơi đầu tiên Việt Nam tiếp nhận Phật giáo truyền vào Luy Lô (vùng Dâu, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh ngày nay).

Với giáo lí đề cao lòng từ bi, bác ái, giáo dục lòng thương yêu đối với con người đạo Phật đã có những ảnh hưởng rất mạnh mẽ tới đời sống tâm linh của người dân Việt Nam nói chung và cư dân vùng biển Đồ Sơn nói riêng. Rất nhiều ngôi chùa được xây dựng như chùa Hang, chùa Vân Bản, chùa Thiên Phúc, chùa Bần ... Đặc biệt là Chùa Tháp Tường Long được xây dựng vào thời Lý – một công trình kiến trúc không chỉ có ý nghĩa về mặt tâm linh mà còn có một vị trí quan trọng trong lĩnh vực quân sự. Trong lịch sử có những ngôi chùa đã từng một thời đóng vai trò trung tâm văn hóa tinh thần của cộng đồng cư dân Đồ Sơn. Đây không chỉ là nơi thờ Phật, giảng đạo cầu Kinh, nơi tu hành và an táng tro, xá li, hài cốt của các vị tăng ni mà còn là nơi hội họp, ... tham quan, vãng cảnh, di dưỡng tinh thần của người dân miền biển này. Hiện nay ở Đồ Sơn mỗi làng đều có một ngôi chùa riêng, số lượng phật tử cũng khá đông đảo.

Ngoài ra đạo Phật còn ảnh hưởng sâu sắc đến phong tục tập quán của cư dân Đồ Sơn. Với các phong tục như : tục cúng rằm, mừng một và đi lễ Chùa hay

qua nghi thức ma chay, cưới hỏi, các phong tục tập quán khác : Tập tục coi ngày giờ, tập tục cúng sao hạn

Ngày nay khi cuộc sống của người dân được cải thiện, họ chú trọng, quan tâm nhiều hơn đến các công trình lịch sử tôn giáo tín ngưỡng. Nhiều người đã công đức góp phần tu bổ, tôn tạo các công trình tôn giáo, tín ngưỡng như : Chùa Hang, Chùa Tháp, đền Nghè ... nhằm mục đích gìn giữ và bảo lưu những giá trị văn hóa và các giá trị khác của các công trình này. Đồng thời giáo dục truyền thống “uống nước nhớ nguồn” cho thế hệ hiện tại và mai sau.

2.2.2. Chùa Hang

2.2.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Chùa Hang có tên chữ là Cốc Tự là ngôi chùa thiên tạo lớn nhất Đồ Sơn, nằm dưới chân núi Pháo Đài (Vân Bồn), xưa thuộc địa bàn Vạn Tác, xã Đồ Sơn, huyện Nghi Dương, phủ Kinh Môn, đạo Hải Dương ; nay thuộc phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn.

Tương truyền chùa do một nhà sư nước Thiên Trúc (Ấn Độ) vào khoảng năm 200 – 100 năm trước Công nguyên theo các thương thuyền Ấn Độ sang Giao Châu truyền bá đạo Phật. Vị tăng sĩ ấy dân gian quen gọi là sư Bần đã không theo thương thuyền và các tăng sĩ khác vào buôn bán và truyền bá đạo Phật ở vùng Dâu, tức Luy Lâu thủ phủ của bọn đô hộ nhà Hán lúc bấy giờ mà ở lại thành Nê Lê để truyền bá đạo Phật. Tại đây ông chọn một hang đá để cư trú và mở chùa. Người Đồ Sơn vẫn truyền rằng sư Bần còn dựng chùa Bần trên núi Mẫu Sơn, sau Người viên tịch ở chùa Hang.

Di tích về chùa Hang và truyền thuyết về sư Bần phù hợp với tư liệu của Trung Quốc được dẫn trong cuốn “Lịch sử Phật giáo Việt Nam” của Viện triết học, Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam xuất bản năm 1988, trang 22 là : “Có một học giả dựa vào một tài liệu Trung Hoa nói rằng ở Giao Châu tại thành Nê Lê có bảo tháp của vua A Sô Ca và học giả đó khẳng định thành Nê Lê mà sử liệu Trung Hoa nói tới là Đồ Sơn ngày nay.

Như tên gọi của chùa, người xưa lấy một hang đá núi cao 3,5 m lòng hang hình thang xuyên sâu vào trong núi, toàn bộ hang rộng khoảng 23m², cửa hang rộng và phía trong hẹp dần với bề rộng là 1,3m, cao 1,2m.

Trước kia chùa có bàn thờ đá, tượng Adidà, bát hương đều bằng đá. Trong lịch sử, nước ta có nhiều biến động lớn, chùa cũng có một số thay đổi song nơi đây luôn là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho người dân Đồ Sơn.

Năm 1930, Tuần phủ tỉnh Bắc Giang Đặng Quốc Giám xin được lô đất gần chùa đã cho phá núi để xây biệt thự và đục mở rộng cửa hang nhưng nghe nói “ bị thần núi Cô Tiên quở” nên lại thôi.

Trong chiến tranh chống Pháp một phần vì dân tản cư đi nơi khác, phần thì chùa gần đồn Tây nên cảnh chùa càng hoang vắng. Năm 1937 quân Pháp xây pháo đài trên đỉnh núi, chúng cho chuyển tượng đồng, chuông về làng Nam. Tuy nhiên ở chùa vẫn giữ lại tượng đá, bệ thờ và bát hương bằng đá nên trước cách mạng tháng 8/1945 vào ngày Phật Đản và các ngày lễ Phật thuyên bè đậu san sát ở Vạn Tác.

Năm 1954 quân Pháp mở rộng sân bay, dồn dân làng Nam lên Quý Kim, dân chạy không kịp mang theo tượng và chuông. Cuối năm 1954 đầu năm 1955 khi dân làng Nam quay trở lại thì thấy một pho tượng Phật A di đà bằng đồng của chùa bị cắm dưới ao, đầu cắm xuống bùn, móng chổng lên trời. Sau khi hai ông Hoàng Gia Bính và Hoàng Xuân Sơn kéo tượng lên thì một bên tai đã bị mẻ mất dải tai, đầu tượng trùn mũ lưới, lưng bị đục. Theo ông Đinh Phú Ngà thì bức tượng bị đục là do thực dân Pháp tìm vàng yếm tâm. Bức tượng được bà Thông Ái, thủ từ đền Vũng đưa về thờ ở đền Bà Đé, mấy năm sau bà cho mời thợ Hà Sơn Bình chữa mũ lưới thành đầu bụt ốc, sơn son thiếp vàng rồi mang về thờ ở Miếu Vũng. Năm 1992 khi nhân dân Đồ Sơn xây chùa Tháp, bức tượng được chuyển lên thờ ở chùa Tháp.

Năm 1967, tiểu đoàn công binh đã phá rộng lòng hang ở chỗ cánh cửa hang chừng 8 m để cất giấu tài liệu cho thuận tiện, khai thác đá ở phía ngoài xây

tường bảo vệ che cửa hang (nay tường vẫn còn). Vì vậy, những bài thơ đề vịnh Chùa Hang khắc trên vách đá, cùng bệ thờ đá đều bị hỏng.

Năm 1990 các tín đồ Phật giáo Đồ mua đồ thờ ở trong lòng hang , xây phía ngoài một ngôi chùa nhỏ gọi là “Động chùa Hang”.

Gần đây Đồ Sơn mở đường giao thông nên khuôn viên chùa Hang bị thu hẹp, mép đường sát chùa. Còn về quả chuông hiện còn nhiều tranh cãi, có nhiều học giả tranh luận là chuông chùa Vân Bồn nhưng theo ông Đinh Phú Ngà trong cuốn “Đồ Sơn – Lịch sử và lễ hội chọi Trâu” viết: “... Đó là chuông chùa Hang năm 1937 Pháp xây Pháo đài trên đỉnh núi mới chuyển chuông về làng Nam. Khi Pháp rút khỏi Đồ Sơn đưa chuông về đồi Vung doanh trại của quân Pháp gần bên Nghiêng có thể đưa xuống tàu sau không kịp nên bỏ lại, bộ đội vào tiếp quản treo lên làm keng rồi đưa vào viện Bảo tàng lịch sử ...”. Vậy theo như cuốn sách viết thì đó là chuông chùa Hang.

Hiện nay vị trí của chùa có nhiều biến đổi, quanh cảnh chùa đã khác xưa. Chùa không còn nằm cheo leo trên bờ biển mà biển đã lùi xa cách khuôn viên của chùa hơn 100 m nhưng nhìn chung vị trí của chùa không thay đổi. Phong cảnh chùa vẫn rất đẹp rất xứng với lời ca tụng của người xưa :

“Chùa Hang cảnh Phật nhiệm màu
Áy là Bụt mọc hay bầu tiên xây”

Nhà thơ Miễn Trai Hoàng người Đồ Sơn trong bài “Đồ Sơn Bát Vịnh” cũng có đoạn tả cảnh chùa Hang :

“Không rõ quý thần dựng thờ nào
Tự nhiên hình thể đẹp dường bao”

Ngày nay Chùa Hang - Đồ Sơn cùng với miếu Thị Đa ở Cốc Liễn, Kiến Thụy gần đó là những chứng tích quý liên quan đến quá trình đạo Phật du nhập vào nước ta khoảng những năm trước Công Nguyên. Vì thế đây có thể coi là một điểm du lịch hấp dẫn du khách.

2.2.2.2. Những giá trị độc đáo của Chùa Hang

❖ Về mặt kiến trúc và điêu khắc

Nước ta có nhiều chùa đặt trong hang động to rộng nhũ đá, thạch động kỳ thú như Chùa Hương, Chùa Trầm, Chùa Địch Lộ, Chùa Hang - Đồ Sơn không có quy mô rộng như các chùa trên. Song đây là địa điểm đầu tiên ở nước ta tiếp thu Phật giáo và là ngôi chùa thiên tạo lớn nhất Đồ Sơn.

Kiến trúc ban đầu của Chùa là một hang núi đá hang đá núi cao 3,5m rộng 7m chia làm 2 bậc thềm, bậc thềm ngoài rộng khoảng 23m², bậc thềm trong cao hơn độ 0,50m lòng hang hình thang, xuyên thẳng sâu vào núi, dài chừng 25 m, phía trong cùng cao 1,2m rộng 1,3 m. Bên trong có để một cái bàn, một bát hương và một bức tượng Phật bằng đá. Ngoài ra còn có một cái giếng nhỏ đựng nước ngọt, hiện nay vẫn còn. Nước trong giếng là nguồn nước tự nhiên rất trong và mát. Phía trước cửa hang là biển nước mênh mông, cảnh sắc xung quanh có sự đan xen, hòa quyện giữa núi, biển, mây, trời tạo nên một khung cảnh hữu tình, thơ mộng. Đến nay dân gian vẫn còn truyền tụng bài ca dao cổ ca ngợi về Chùa Hang :

“Chùa Hang,động Phật,hang Dơi

Bốn phương tám hướng chẳng nơi nào bằng”

Trong suốt quá trình phát triển mảnh đất Đồ Sơn, về mặt cảnh quan của chùa ít nhiều đã có sự thay đổi. Song đối với cư dân Đồ Sơn chùa Hang vẫn chiếm một vị trí nhất định trong đời sống tâm linh của mỗi người con vùng biển này.

Sau sự kiện Vịnh Bắc Bộ ngày 5 – 8 -1964, Đồ Sơn trở thành vị trí phòng thủ bờ biển. Năm 1967 tiểu đoàn công binh đã phá rộng lòng hang, ở chỗ cánh cửa hang rộng khoảng 8m, xây tường bao quanh phục vụ cho mục đích quốc phòng. Vì thế mà diện mạo của chùa không còn giữ lại được như xưa.

Năm 1990 nhân dân Đồ Sơn đã công đức tôn tạo lại chùa và cho xây ở phía ngoài hang một ngôi chùa nhỏ gọi là “Động chùa Hang”. Từ đó đến nay ngôi

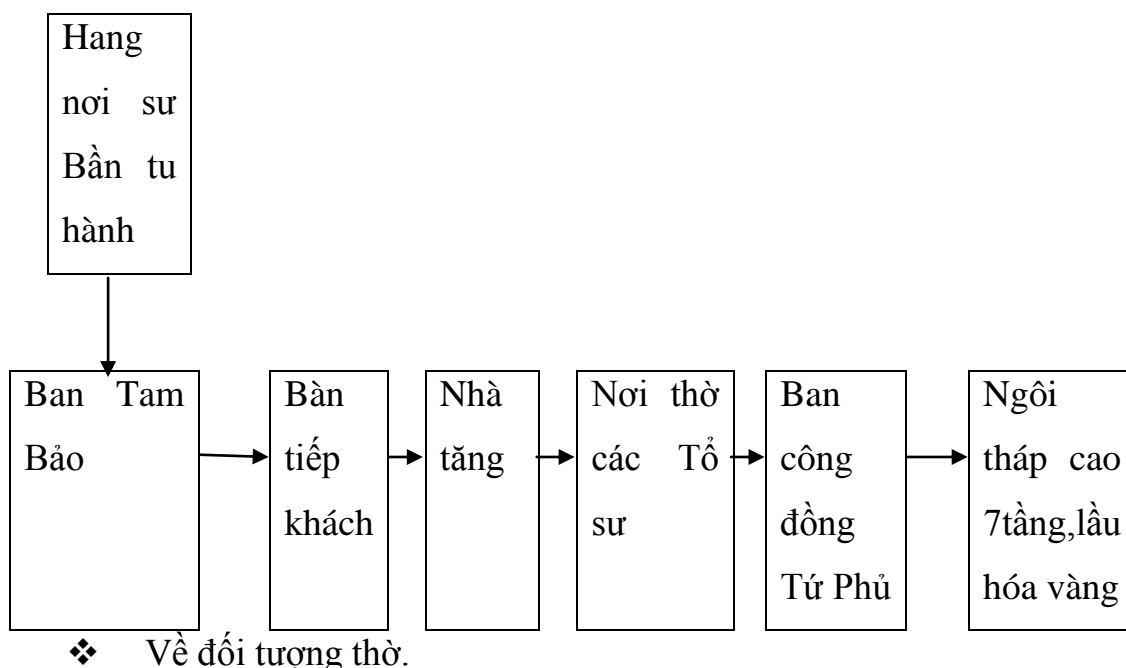
chùa được xây dựng và mở rộng dần ra. Nguyên liệu để xây dựng chùa chủ yếu là gỗ Chò.

Kiến trúc của ngôi chùa mới cũng khá đơn giản, ngoài cái hang (chùa Hang cũ) thì chùa được chia làm bốn gian nằm trên một trục đường thẳng. Gian đầu tiên trước của Hang thờ Ban Tam Bảo, gian thứ hai khá nhỏ là nơi ở của thầy, gian thứ ba là nơi thờ các tổ sư : (Phật Quang, Phạm Ngọc, Đạt Ma), gian cuối cùng là nơi thờ Ban công đồng tứ phủ, Chử Đồng Tử, quan Trần Triều. Lưng chùa tựa vào núi, mặt quay ra hướng biển tạo ra một thế nhìn khá đẹp.

Nằm ở phía bên tay phải của ngôi chùa là ngôi tháp cao bảy tầng, lầu hóa vàng đều được xây dựng vào năm 2008. Theo như lời của bà Vũ Thị Ngát người trông coi chùa thì bên trong tháp có để xá lị của bảy vị tổ sư, trong đó có xá lị của tổ sư Bàn, sư Phạm Ngọc và chú tiểu đi theo nhà sư Phạm Ngọc (mất khi đó mới 9 tuổi). Ngay cạnh ngôi tháp là bức tượng Bồ Tát Quan Âm, trước kia bức tượng này được làm bằng thạch cao nhưng đến năm 2008 một Việt kiều người Đồ Sơn ở Anh Quốc đã công đức cho chùa 200 triệu để tạc lại tượng bằng đá trắng. Trên núi còn được trang trí một bức họa những con Rồng trên mặt biển rất đẹp.

Nhìn chung kiến trúc của Chùa Hang cũng giống các chùa khác ở Việt Nam đều có một điểm chung là lối kiến trúc “tiền Phật, hậu Thần” với việc đưa các vị thần, Thánh, Mẫu, anh hùng dân tộc ... vào chùa để thờ tự. Nhận thức được chùa Hang là một di sản văn hóa vô cùng quý hiếm nên Ban quản lý chùa cùng nhân Phật tử địa phương và thập phương, đặc biệt với sự giúp đỡ của Đại đức Thích Giác Hiệu ở chùa Phổ Chiếu (quận Lê Chân), nên chùa Hang đang tiếp tục bảo tồn, tôn tạo nhằm gìn giữ di tích.

Dưới đây là sơ đồ của Chùa Hang – Đồ Sơn.



Chùa Hang là nơi thờ Phật, tượng Phật A Di Đà đầu tiên của chùa được tạc bằng đá bởi đôi bàn tay khéo léo của nhà sư Phật Quang. Hiện nay bức tượng này vẫn được lưu giữ ở chùa. Bức tượng có kích thước khá nhỏ được đặt trên một cái bàn xây bằng bê tông ở trong Hang phía sau tượng Tổ Sư Bàn – Phật Quang .

Năm 1990 khi cho xây Động chùa Hang các tín đồ Phật tử của Đồ Sơn đã mua thêm một số đồ thờ và đúc thêm một số bức tượng để thờ tự. Do đó đối tượng thờ của Chùa có phần phong phú hơn trước. Tuy nhiên Phật vẫn được coi là đối tượng thờ chính. Điều này được thể hiện ở ngôi chùa chính diện là bàn thờ Ban Tam Bảo với các vị : Phật, Pháp, Tăng, trong đó Phật là người sáng tạo ra đạo Phật, Pháp là giáo lí - cốt lõi của đạo Phật, Tăng là người tu hành có công truyền bá và phát triển đạo Phật đến với quần chúng. Ngoài ba vị Tam Bảo còn có đức Phật A Di Đà, Địa tạng và Quan Âm Bồ Tát.

Đối tượng thứ hai được thờ là các vị Tổ sư có công khai sáng, phát triển đạo Phật ở mảnh đất Đồ Sơn như : Tổ sư Bàn, Tổ sư Phạm Ngọc. Về Tổ sư Bàn đã được trình bày ở trên, dưới đây ta sẽ nói đến Tổ sư Phạm Ngọc.

Tương truyền Phạm Ngọc là một nhà sư tu ở chùa Đồ Sơn, huyện An Lão, Hải Phòng. Ông sống trong thời gian đất nước ta bị giặc Minh giày xéo, đời sống nhân dân cơ cực lầm than. Chứng kiến và thấu hiểu nỗi đau của người dân mất nước, với sự khích lệ và hưởng ứng nhiệt tình của nhân dân vùng Đồ Sơn, nhà sư Phạm Ngọc đã tạm cởi bỏ áo tu hành, tự xưng là La - Bình Vương, đặt niên hiệu là Vĩnh - Ninh, tập hợp quân chúng nổi lên chống quân Minh xâm lược. Cuộc khởi nghĩa của Phạm Ngọc được nhân dân vùng Đông - Bắc nhiệt liệt hưởng ứng và phát triển rất nhanh chóng. Nhiều thủ lĩnh nghĩa quân ở các vùng xung quanh như Đào Thừa, Phạm Thiện, Lê Hành, Ngô Trung, ... đã tập hợp lực lượng dưới lá cờ của La- Bình Vương làm tăng thêm thanh thế cho nghĩa quân. Trong suốt những năm kháng chiến, nghĩa quân đã làm cho quân Minh tổn thất rất nhiều. Tuy nhiên đến năm 1420 cuộc khởi nghĩa bị dập tắt, nhà sư Phạm Ngọc bị bắt và bị xử trảm. Sau khi ông mất để ghi nhớ công ơn của nhà sư Phạm Ngọc đối với dân với nước và những người Đồ Sơn tham gia cuộc khởi nghĩa Phạm Ngọc, nhân dân Đồ Sơn đã rước bài vị thờ ở đền Long Sơn cùng Mẫu Liễu Hạnh, Cô Chín. Hiện nay khi cùng với việc xây dựng và mở rộng chùa, các tín đồ Phật tử Đồ Sơn đã cho đúc tượng ông để thờ ở chùa Hang.

Ngoài Phật, các vị sư Tổ ở đây còn thờ Chủ Đồng Tử, tương truyền Chủ Đồng Tử là đồ đệ đầu tiên của Sư Bần. Người dân Đồ Sơn ngày nay vẫn còn truyền tai nhau câu chuyện Chủ Đồng Tử tìm thầy học đạo.

Chuyện kể rằng : Xưa Chủ Đồng Tử nhà nghèo đến nỗi không có một cái khó che thân, ban ngày phải chìm nửa mình dưới nước đến đêm mới dám nên bờ. Nhưng vào một ngày nọ duyên trời rui rủi cho chàng gặp được công chúa Tiên Dung. Sau khi cùng Chủ Đồng Tử nên duyên vợ chồng, Tiên Dung không trở về cung mà ở lại cùng chồng làm ăn buôn bán. Một hôm nghe theo lời khuyên của một khách buôn Tiên Dung bàn với chồng ra ngoài buôn bán làm ăn thì sẽ lãi to. Chủ Đồng Tử nghe lời vợ theo khách buôn đi khắp nơi buôn bán. Một hôm qua ngọn núi giữa biển gọi là núi Quỳnh Tiên ở Đồ Sơn (tên Quỳnh Tiên chỉ là tên

trong truyền thuyết), thuyền ghé vào xin nước ngọt. Tại đây Chủ Đồng Tử đã gặp một đạo sĩ trẻ tên là Phật Quang. Chuyện trò ý hợp tâm đầu, Chủ Đồng Tử theo lời Phật Quang giao vàng nhờ khách buôn đi mua hàng còn mình thì ở lại đây học đạo. Đến khi thuyền quay trở lại đón cũng là lúc Chủ Đồng Tử giác ngộ hết những giáo lí của nhà Phật nên theo thuyền trở về đất liền. Khi từ già, Phật Quang tặng Chủ Đồng Tử một cái gậy, một cái nón và bảo : "Đây là vật thần thông".

Về đến nhà Chủ Đồng Tử truyền đạo lại cho vợ. Tiên Dung giác ngộ bèn bỏ việc buôn bán để cùng chồng đi tìm thầy học đạo. Một hôm trời tối, hai vợ chồng đi đã mệt mà chưa thấy nhà cửa đâu, mới dừng bước lại, cầm gậy che nón nằm dưới mà nghỉ. Vào khoảng nửa đêm, tự nhiên chỗ ấy nổi lên thành quách, cung điện bằng châu ngọc và kho tàng đầy đủ của cải, màn gấm chiếu hoa, không thiếu một thứ gì. Lại thêm tiên đồng ngọc nữ, các quan văn võ, lính tráng tấp nập đông đảo như một nước riêng.

Tin này truyền đến tai vua Hùng, vua cho là có ý tạo phản, vội xuất binh đi đánh. Nhưng vừa đến nơi thì trời đã tối, quân nhà vua đóng ở bãi Tự Nhiên cách đó một con sông. Đến nửa đêm bỗng nhiên bão to gió lớn nổi lên, thành trì, cung điện và cả bảy tôi của Tiên Dung - Chủ Đồng Tử phút chốc bay lên trời. Sáng hôm sau, người ta kinh dị thấy chỗ đó đã hóa thành một cái đầm lớn và gọi đầm ấy là đầm Nhất Dạ (Một đêm).

Bên cạnh đó cũng giống như những ngôi chùa khác, chùa Hang còn thờ Ban công đồng Tứ Phủ, Quan Trần Triều, Chúa lâm sơn trang (người cai quản núi rừng) - một nét đặc trưng trong sự dung hợp giữa đạo Phật với tín ngưỡng dân gian truyền thống .

Về nguyên liệu đúc tượng : nhìn chung các tượng được thờ ở đây được đúc bằng ba nguyên liệu chủ yếu : đá trắng (Tượng Phật Quang, tượng Quan Thế Âm Bồ Tát), bằng đồng (ba bức tượng Tam Bảo, tượng Địa tạng, tượng Quan Âm ở ban Tam Bảo) và gỗ mít (quan Trần Triều, Chủ Đồng Tử, các vị sư tổ,

ban công đồng tứ phủ ...). Ngoài ra còn có một số bức được đúc bằng thạch cao. Hiện nay nhà Chùa đang có dự định đúc lại tượng Phật Tổ Như Lai (Thích Ca Mâu Ni Phật) bằng đồng nguyên chất với chiều cao 2,7m, nặng 5 tấn.

❖ Những giá trị khác

Xét về mặt lịch sử : Chùa Hang là ngôi chùa cổ nhất Đồ Sơn và là nơi đầu tiên tiếp nhận đạo Phật vào nước ta. Sách “Lịch sử Phật giáo Việt Nam” có viết : “Có một học giả dựa vào một tài liệu Trung Hoa nói rằng ở Giao Châu tại thành Nê Lê có bảo tháp của vua A Sô Ca và học giả đó khẳng định thành Nê Lê mà sử liệu Trung Hoa nói tới là Đồ Sơn ngày nay”. Trong từ điển Bách khoa địa danh Hải Phòng cũng có ghi : “Có thuyết chép vùng bán đảo Đồ Sơn thời cổ có tên là Nê Lê – nơi đầu tiên Việt Nam tiếp nhận Phật giáo truyền vào Luy Lâu (vùng Dâu, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh ngày nay). Do đó đây có thể coi là một chứng tích quý giá giúp ta tìm hiểu rõ về quá trình du nhập đạo Phật vào nước ta. Đồng thời nghiên cứu quá trình phát triển của mảnh đất Đồ Sơn từ quá khứ đến hiện tại.

Xét về mặt tâm linh : Vì là ngôi chùa được hình thành sớm nhất nên ngay từ những buổi đầu ngôi chùa này đã đóng một vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của cư dân Đồ Sơn. Chùa không chỉ là nơi truyền giảng Phật pháp, giáo dục con người sống khoan dung, yêu thương đùm bọc lẫn nhau mà còn là nơi cư dân vùng biển này tìm thấy niềm tin và hy vọng trong những lúc cuộc sống cơ cực nhất. Một điều dễ nhận thấy đó là : trong những năm chiến tranh chống thực dân Pháp đầy ác liệt nhưng vào ngày hội Phật đản người ta vẫn thấy tàu, thuyền đậu san sát dưới chân núi Vạn Tác. Các tín đồ Phật tử vẫn tới đây với niềm tin sắt đá vào đức Phật nhưng cũng là để cảm tạ công ơn của đức Phật đã cứu độ chúng sinh.

Xét về mặt du lịch: Từ những giá trị đã phân tích ở trên cho thấy Chùa Hang là một điểm du lịch đầy tiềm năng. Nếu biết tận dụng những thế mạnh và

khai thác hợp lý thì tương lai chùa Hang sẽ là một điểm du lịch hấp dẫn không thua kém gì đền Bà Đế.

2.2.3. Tháp Tường Long

2.2.3.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Tháp Tường Long nằm trên đỉnh Ngọc Sơn – ngọn núi đầu tiên trong chín ngọn núi chạy dọc bán đảo Đồ Sơn, thuộc địa phận phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn.

Tháp được xây dựng dưới thời Lý, lúc mà Phật giáo đang ở thời kỳ phát triển mạnh mẽ. Theo cuốn “Đại Việt sử lược” thời Trần có đoạn ghi : “Năm Mậu Tuất niên hiệu Long Thụy thứ 5(1058).Mùa thu tháng 9, vua ngự ra cửa biển Ba Lộ nhân đó ngự ra chỗ xây Tháp ở Đồ Sơn. Năm sau (1059) Vua Lý Thánh Tông thấy Rồng vàng hiện lên ở điện Trường Xuân, vừa ban cho Tháp này tên hiệu là Tường Long, ý muốn ghi lại điềm lành”. Như vậy thì Tháp Tường Long được xây dựng vào năm 1058 dưới thời vua Lý Thánh Tông.

Trong số tháp được xây dựng vào thời Lý có hai tháp cao nhất, kì công và hùng vĩ nhất. Tuy nhiên đến nay cả hai ngôi tháp này đều không còn, đó là tháp Báo Thiên ở kinh đô Thăng Long và Tháp Tường Long ở Đồ Sơn, Hải Phòng.

Tháp Báo Thiên cao 70m gồm 12 tầng, tầng trên cùng và chóp tháp là bằng đồng, vì cao quá nên Tháp từng ba lần bị sét đánh vào năm 1228, 1322 và 1406. Năm 1427 tháp bị Vương Thông (tướng giặc nhà Minh) phá để lấy đá giữ thành.

Những di vật được tìm thấy ở Tháp Tường Long đã khẳng định tháp được xây cùng thời với tháp Báo Thiên. Công trình kiến trúc Phật giáo này được xây trên bãi đất bằng phẳng rộng 2000 m² (cũng có sách ghi là 1000 m²). Bốn góc tháp đều nghiêng vào tâm 19⁰. Lòng tháp rộng và là nơi đặt pho tượng A di đà. Tháp còn là nơi để kinh kệ, xem kinh, viết kinh, kể kinh, khảo kinh.

So với Tháp Báo Thiên tháp Tường Long không cao bằng, theo sách “Đại Nam nhất thống chí” Tháp chỉ cao 9 tầng, cửa mở ra hướng Tây – nơi xuất phát của đạo Phật.

Việc xây dựng tháp Tường Long ở Đồ Sơn không đơn thuần mang ý nghĩa về mặt tâm linh mà nơi đây còn đóng vai trò là một trạm quan sát tiên tiêu và là hành cung của nhà vua ở miền biển đông bắc của quốc gia Đại Việt.

Nhận thấy rõ tầm quan trọng của công trình này nên ngay sau chiến thắng quân Mông – Nguyên lần thứ nhất (1258) vua Trần đã cho tu tạo, sửa sang lại tháp Tường Long, lúc bấy giờ đã bị hư hại nhiều. Đến đời vua Trần Nghệ Tông công trình này xuống cấp nghiêm trọng, vua có ý định cho khôi phục lại, song khi đó nhà Trần đã suy yếu, vua ở ngôi chỉ có 3 năm (1370 – 1372) nên kế hoạch đó không thực hiện được.

Sang thế kỉ XV khi giặc Minh xâm lược nước ta, với chủ trương hủy diệt văn hóa Việt cho dễ bề cai trị, chúng thiêu hủy kinh sách, phá hủy chùa chiền và nhiều công trình nghệ thuật khác. Kinh sách, tượng, chuông và nhiều đồ tế khí ở tháp Tường Long, chùa Hang, chùa Bần đã bị chúng cướp về nước hoặc phá hủy. Đến năm 1428 khi Lê Lợi chính thức lên ngôi, ông đã tiến hành cho tu tạo lại ngôi tháp này.

Tuy nhiên đến năm Gia Long thứ ba (1804) tháp lại bị phá một lần nữa. Trong cuốn “Đại Nam nhất thống chí” có ghi: “Tháp cũ Đồ Sơn ở xã Đồ Sơn, huyện Nghi Dương, tỉnh Hải Dương cao trăm thước, dựng từ đời Long Thụy – Thái Bình triều Lý; Năm Gia Long thứ ba (1804), phá tháp lấy gạch xây thành trấn Hải Dương”. Việc Gia Long phá tháp lấy gạch xây thành chứng tỏ Tháp Tường Long khi xưa có quy mô rất lớn.

Khi thực dân Pháp sang xâm lược nước ta chúng đã đào bới tháp Tường Long, cướp đi một số hiện vật bằng đá, bằng đồng, bằng đất nung và chạt đầu tượng A di đà ... Cho đến những năm 60 công trình này vẫn còn một phiến đá cánh cửa tháp dài 2.5m, rộng 1.5m, ở giữa có đục lỗ rộng 15cm. Nhưng đến nay những hòn đá đó cũng không còn.

Hiện nay tháp Tường Long chỉ còn là phế tích với móng tháp hình vuông xây bằng gạch có kết cấu 3 tầng giạt cấp thu dần vào :

- Tầng dưới cùng : 7,86m x 7,86m
- Tầng giữa : 7,36m x 7,36m
- Tầng trên cùng : 6,92m x 6,92m.

Nhận thức rõ những giá trị mà Tháp Tường Long mang lại, các cấp chính quyền và nhân dân Hải Phòng nói chung, Đồ Sơn nói riêng đã đề nghị Chính Phủ cho phép khôi phục lại công trình Phật giáo vĩ đại này. Ngày 10/10/2008 Thủ tướng Chính Phủ đã kí công văn số 1700/TTg – KGVX về việc nhất trí đưa công trình dự án phỏng dựng, tôn tạo tháp Tường Long, chùa Tháp tại quận Đồ Sơn vào danh mục các công trình hoàn thành kỷ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội. Dự án này được thực hiện trong thời gian từ năm 2008 – 2015, được chia làm ba giai đoạn :

- 2008 – 2010 : Xây dựng chùa Tháp.
- 2009 – 2011 : Xây dựng Tháp Tường Long, nhà che hồ khảo cổ.
- 2011 – 2015 : Xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ.

Với dự án này, Chùa Tháp Tường Long sẽ trở thành một điểm du lịch hấp dẫn, đầy tiềm năng trong tương lai.

2.2.3.2. Những giá trị độc đáo của Tháp Tường Long

❖ Về mặt kiến trúc, điêu khắc.

Căn cứ vào thư tịch cũ, nhất là những dấu tích kiến trúc hiện còn, kiến trúc thời Lý có giá trị nghệ thuật gồm cả những kiến trúc dành riêng cho triều đình và kiến trúc Tôn giáo, trong đó nổi trội lên là kiến trúc Chùa Tháp. Một trong số đó có Tháp Tường Long ở Đồ Sơn, Hải Phòng , là một trong hai ngọn Tháp đồ sộ, nguy nga nhất đời Lý. Ngọn tháp này đã từng được liệt vào hạng đại danh lam cùng với chùa Long Đọi (Duy Tiên - Nam Hà), chùa Một Cột, tháp Báo Thiên, tháp Chương Sơn (Ý Yên - Nam Hà) ...

Trong lần khảo cổ của Viện Khảo cổ năm 1977 đã cho thấy nền móng Tháp hình vuông xây bằng gạch có kết cấu 3 tầng giạt cấp thu dần vào, tầng có kích thước dài nhất là tầng dưới cùng : 7,86m x 7,86m. Bốn góc Tháp đều nghiêng

vào năm 19⁰, công trình này được xây dựng bằng gạch và đá có kích thước khác nhau. Có loại 23 cm, có loại 40 cm, có loại 55 cm, tuy nhiên bề rộng là 20 cm, bề dày : 5 cm thì hoàn toàn thống nhất. Trên nhiều viên gạch ở chân tháp còn ghi rõ hai hàng chữ Hán “*Lý gia đệ tam đế, Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo*” nghĩa là đời vua Lý thứ 3, niên hiệu Long Thụy Thái bình năm thứ tư chế tạo (Lý Thánh Tông), tính theo dương lịch là năm 1057.

Bên cạnh loại gạch xây, còn có loại gạch ốp ngoài vỏ tháp với nghệ thuật trang trí độc đáo như hoa sen, hoa cúc, hoa chanh và các loài chim thú quý hiếm, đặc biệt là những viên gạch được chạm trổ hình Rồng, Phượng. Cũng giống như nhiều công trình chùa, tháp khác được xây dựng vào thời Lý, hình Rồng, Phượng được trang trí trong hình chiếc lá đề bé nhỏ nhưng rất uyển chuyển.

Ngoài ra người ta còn tìm thấy rất nhiều gạch nhỏ vỡ, một số bị đem xây công sự hào giao thông và một bệ đá tòa sen bằng đá xanh đã vỡ có chạm cánh sen tạo thành hai cấp. Mỗi cánh cách nhau 0,12 ,có 8 hàng trang trí mỗi bên một con Rồng châu vào lá đề, các con Rồng nối đuôi vào nhau. Trên bệ đá con có hoa văn trang trí giống như trên bệ đá của tượng A Di Đà ở chùa Phật Tích – Bắc Ninh.

Những lần khai quật gần đây, đặc biệt là lần khai quật vào năm 2009 do Viện Khảo Cổ học phối hợp với Sở Văn hóa thể thao và Du lịch Hải Phòng tiến hành. Kết quả của lần khai quật này đã bổ sung thêm nguồn tư liệu, góp phần hoàn thiện hơn bộ hồ sơ về công trình này nhằm mục đích phỏng dựng, tôn tạo lại Tháp Tường Long.

Qua đợt khai quật này các nhà khảo cổ đã tìm thấy một số đoạn móng kè dài 15,7m, rộng 0,83 m -1,05 m, cao 0,28 m – 0,68 m bằng đá có lẫn gạch, sành, sứ thời Lý. Xung quanh nền móng còn có rất nhiều vật liệu được sử dụng lại và theo các nhà khảo cổ thì có thể dấu tích móng kè này được hình thành vào thời Trần hoặc thời Lê với mục đích là kè để bảo vệ nền móng Tháp. Đồng thời các

nhà khảo cổ còn tìm thấy rất nhiều vật liệu để xây Tháp được làm bằng đá, đất nung, các loại ngói : ngói bờ nóc, ngói âm dương, ngói mũi sen, ngói mũi vát nhọn (ngói mũi lá) ... với nhiều kích thước khác nhau. Trên các vật liệu này đều được chạm khắc hình Rồng, phượng và các loại hoa văn rất tinh xảo. Ngoài những di vật về tháp Tường Long cuộc khai quật còn thu được nhiều di vật như gạch, ngói đỏ, đồ gốm qua nhiều thời kì khác nhau.

Nhìn chung qua các cuộc khai quật đã thu được những di vật vô giá thể hiện một nền kiến trúc tinh xảo, độc đáo vượt xa các công trình đình, chùa thời Lê. Đồng thời cho phép chúng ta biết rõ thêm về diện mạo của tháp Tường Long – một trong những công trình kiến trúc Phật giáo nổi bật nhất thời Lý.

❖ Về mặt tôn giáo

Qua các thư tịch cổ đã chứng minh Đồ Sơn là nơi đầu tiên tiếp nhận đạo Phật được truyền bá vào nước ta. Tuy không phát triển mạnh mẽ như ở Luy Lâu nhưng ngay từ rất sớm đạo Phật đã rất thịnh hành ở đây. Bởi lẽ Đồ Sơn là mảnh đất nhỏ nhưng có rất nhiều chùa và các công trình Phật giáo khác như : Chùa Hang, chùa Vân Bản, chùa Khánh Minh, chùa Nam, đình Bằng, đình Công, đình Đoàn, đình Nam, Đình Trung ... đều mang dấu ấn của đạo Phật. Có thể Đồ Sơn là một trong những miền quê của gốc tích đạo Phật nên vua Lý đã quyết định cho xây dựng ở đây.

❖ Về mặt văn hóa

Qua nghiên cứu đã khẳng định tháp Tường Long không chỉ mang ý nghĩa về mặt kiến trúc, tôn giáo, quốc phòng mà còn mang ý nghĩa sâu sắc về văn hóa.

Đó là tinh thần đoàn kết, cố kết cộng đồng : Hầu hết các công trình chùa tháp dưới triều Lý đều được xây dựng với quy mô lớn, Tháp Tường Long cũng không ngoại lệ. Tuy nhiên cung điện và lăng mộ lại được xây rất khiêm nhường. Sử gia Lê Văn Hưu còn viết về triều Lý rằng : “làm Chùa thờ Phật lộng lẫy hơn cung điện của vua”. Nhà Lý Không xây lăng mộ và cung điện nguy nga, nhưng

lại xây Chùa Tháp cao to bề thế. Đây còn là biểu hiện tâm lý cộng đồng, tập thể đang còn rất mạnh ở người Việt đương thời. Ý thức ấy đã chỉ đạo việc xây dựng : Cung điện và lăng mộ dành riêng cho vua, Chùa Tháp có cầu chúc cho vua và dòng họ bền thịnh, nhưng cơ bản là thuộc tập thể. Ở đó cá nhân vua hòa trong ý muốn quần chúng, tất cả cùng hướng theo tinh thần từ bi, nhân ái của Phật giáo. Đồng thời cũng thể hiện sự quan tâm sâu sắc của nhà vua tới đời sống của quần chúng nhân dân, đoàn kết các tầng lớp nhân dân, tạo nên sức mạnh to lớn cho đất nước.

❖ Về mặt quốc phòng

Tháp Tường Long là sự kết hợp hài hòa giữa nhu cầu tâm linh với mục đích đời thường. Xây Tháp không chỉ là mối quan tâm đến sự phát triển của Phật giáo mà còn là mối quan tâm đến sự an nguy quốc gia của triều Lý. Mục đích quốc phòng của Tháp Tường Long ngày càng được các nhà nghiên cứu khẳng định.

Ngày trước để có thông tin nhanh chóng từ biên ải về kinh đô khi nguy biến, các triều đình phong kiến đã cho xây dựng hàng loạt trạm quan sát trên những đỉnh núi cao. Khi có giặc ngoại xâm, nếu là ban ngày các trạm đốt cỏ ướt để tạo khói, ban đêm đốt cỏ khô để thành lửa. Trạm này nhận tín hiệu của trạm kia, cứ thế mà truyền về kinh thành. Ở Đồ Sơn trạm được đặt trên núi cao nhất – núi Mẫu Sơn. Vì thế mà núi Mẫu Sơn về sau còn có tên là núi Chòi Mòng.

Đến năm 1057 vua Lý Thánh Tông cho dựng Tháp Tường Long trên núi Ngọc Sơn. Tháp cao 9 tầng và được đặt trên đỉnh núi Rồng đầu tiên của Đồ Sơn , trên độ cao 91,7 m so với mặt nước biển (Theo kết quả khảo cổ được thực hiện vào tháng 8 – 1998). Với vị trí này Tháp Tường Long được coi là ngôi Tháp cao nhất so với các công trình kiến trúc cùng thời. Điều này cho thấy không phải ngẫu nhiên mà vua Lý Thánh Tông lại chọn đỉnh núi ở Đồ Sơn để xây tháp. Việc xây Tháp có thể ngoài lí do về mặt tôn giáo còn có lí do khác biến ngôi Tháp này giống như một trạm quan sát nhằm phục vụ cho mục đích quốc phòng.

Sau khi được xây dựng Tháp Tường Long và Chòi Mông tạo nên một hệ thống “truyền đấng” quan trọng canh giữ vùng biển này.

❖ Về mặt phong thủy.

Ngoài những giá trị về mặt kiến trúc, tâm linh, ngôi Tháp này còn mang một ý nghĩa rất lớn về phong thủy.

Từ trên ảnh vệ tinh có thể thấy vị trí Tháp Tường Long nằm trên một Long Mạch (Khí Mạch) lớn. Khí Mạch này chạy ngầm trong lòng đất đến khu vực Suối Rồng thì đột khởi vùng lên giống như một con rồng đã ra đến biển lớn, Long Khí cuộn cuộn di chuyển ra hướng biển tạo thành toàn bộ khu vực nghỉ mát của Đồ Sơn ngày nay. Cuối cùng Đầu Rồng đi ngầm dưới biển và cất lên tạo thành đảo Dấu. Đây cũng là Án Sơn - Hồi Long của Khí Mạch này. Chính tại khu vực Đình Ngọc đã kết phát một Huyệt Oa.

Hơn 2000 năm với một đời người là quá dài nhưng với một Long Mạch, một thế núi thì lại là quá ngắn, vì thế chắc chắn các bậc Thánh Tăng Cổ Hiền xưa đã sớm nhận ra Long Huyệt này. Có thể nói đây là một Long Huyệt khá điển hình và dễ nhận ra. Hình Oa rộng rãi, có thể có lục, Địa Nhục đầy đặn báo hiệu một vùng Sinh Khí thịnh vượng, bằng chứng là Long Khí còn tiếp tục chạy thêm một quãng đường dài ra tận ngoài biển lớn. Hơn nữa Long Mạch này nằm trên tuyến Tây Bắc Đông Nam nên dễ dàng đạt được Thế Cục "Tam Nguyên Bất Bại" . Tuy nhiên Huyệt này có một nhược điểm lớn là Tay Long (Nơi có Tháp tường Long) thấp hơn Tay Hồ và Tay Hồ lại hơi có tư thế doãi ra ngoảnh đi làm cho Huyệt bị Tán Khí ! Điều này ứng với "Thê Thiếp, Tiểu Nhân, Người Dưới lán áp Bề Trên". Và như thế Huyệt này cũng không thành Chân Long Địch Huyệt. Hiểu rõ điều này nên các vị Thánh Tăng xưa và Vua Lý Thánh Tông đã cho dựng Tháp để Tụ Khí Mạch, tạo uy thế cho Tay Long, Áp Chế Tay Hồ, để dần dần nơi đây thành một Huyệt Đất Quý.

❖ Về mặt cảnh quan

Kiến trúc Chùa Tháp thời Lý to lớn, lại được xây ở những vị trí ngoạn mục, gắn với thiên nhiên tạo thành cả một phong cảnh kiến trúc hoàn chỉnh có núi, có sông, có cây cối, có nhà cửa ... Tháp Tường Long cũng được dựng trên đỉnh ngọn núi Rồng – nơi có phong cảnh rất đẹp. Từ vị trí tháp Tường Long có thể thấy biển với những con tàu ra khơi vào lộng, thấy thị xã Đồ Sơn (nay là quận Đồ Sơn) cùng làng mạc, đồng ruộng xanh tươi, lại hiểu người xưa sao khéo chọn địa điểm xây tháp.

Cảnh đẹp sơn thủy hữu tình đã được các nghệ sĩ xây dựng thời Lý khám phá triệt để lợi dụng để tôn cái đẹp của kiến trúc lên vị trí xứng đáng, đáp ứng yêu cầu của Phật giáo về tư tưởng từ bi nhân ái và khuyến thiện, trừng ác.

2.3. MỘT SỐ ĐỀN TIÊU BIỂU Ở ĐỒ SƠN VÀ TIỀM NĂNG KHAI THÁC PHỤC VỤ DU LỊCH

2.3.1. Tín ngưỡng thờ thần của người dân Đồ Sơn

Dân tộc Việt Nam có tục thờ ông cha, thờ thần linh, thờ linh khí núi sông gọi chung là thờ thần linh. Tín ngưỡng thờ thần của người Việt không có triết lý sâu xa như triết lý của Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo và rất nhiều tôn giáo khác nhưng tín ngưỡng Việt Nam rất sâu sắc trong quan hệ giữa người với người, giữa cá nhân với cộng đồng, giữa người sống với người chết, giữa con người với môi trường thiên nhiên và xã hội.

Cũng giống như người Việt nói chung, người Đồ Sơn nói riêng cũng thờ thần linh. Việc thờ thần linh có một ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần của người Việt. Thường khi di cư đến một vùng đất mới, người ta muốn có một vị thần bảo trợ. Với người Đồ Sơn sơ khai đó là “Điềm Tước Đại Vương”.

Sau này Phật giáo du nhập vào trong tín ngưỡng của người Đồ Sơn còn có thêm đức Phật.

Trong suốt chiều dài lịch sử người Đồ Sơn đã cùng với nhân dân cả nước đấu tranh chống lại những cuộc xâm lăng, có biết bao anh hùng dân tộc dám xả thân vì nghĩa lớn cùng với cả dân tộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập tự do của tổ

quốc đã ngã xuống mảnh đất này. Những người anh hùng ấy được nhân dân Đồ Sơn ghi tâm khắc cốt, ngàn đời thờ phụng ở các đền, đình. Bằng cách này người Đồ Sơn muốn thể hiện lòng thành kính, biết ơn công trạng của các anh hùng dân tộc. Người Đồ Sơn tin rằng họ đã trở thành những vị thần và những vị thần ấy luôn sống mãi và thường hiện về che chở cho họ trong cuộc sống thường ngày. Một trong những vị thần ấy là nhà sư Phạm Ngọc – một vị tướng quân đã hi sinh trong cuộc khởi nghĩa chống lại quân Minh xâm lược .

Ngoài các thần là những anh hùng chống giặc ngoại xâm, người Đồ Sơn còn thờ những vị thần có công khai phá vùng đất này như : Nuôi Nường Thần vương, Hải Bộ Thần vương, Chàng Ngộ Thần vương, Đại Hùng Thần vương, Thanh Sam Thần vương , Cao San Thần vương

Việc thờ thần linh ngoài mục đích cầu mong thần che chở, phù hộ cho người dân được mạnh khỏe, bình an, làm ăn phát đạt còn có một ý nghĩa khác là phát triển văn hóa, bảo tồn truyền thống “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, “uống nước nhớ nguồn”.

Là một vùng đất gắn liền với 4000 năm lịch sử dân tộc nên các câu chuyện về các vị thần vừa có chính sử, vừa có huyền thoại, truyền thuyết được gọi là dã sử. Mỗi câu chuyện về các vị Thần linh, về tổ tiên người Đồ Sơn khai thiên lập địa đều được nhân dân tôn thờ. Nó được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, con cháu ngưỡng vọng về tổ tiên tìm thấy ở đó bóng dáng của hào khí ông cha trong trường kì lịch sử oai hùng về buổi đầu dựng nước và giữ nước, khơi dậy niềm tự hào, tự tôn dân tộc, tạo nên một nét độc đáo của Thần linh đất Việt.

2.3.2 Đền Nghè

2.3.2.1. Tên gọi và sự tích thần Đỉnh Tước

Nằm dưới chân núi Thập là ngôi đền thờ thần “Hùng Trấn Đỉnh Tước” – vị thủy thần Đồ Sơn, cũng là Thành Hoàng chung cho cả vùng Đồ Sơn. Vị Thần đã được triều đại phong kiến sắc phong là “Thượng Đẳng thần” nên đền còn được

gọi là “Thượng Đẳng Từ” (đền thờ đức thân cao nhất). Nhân dân Đồ Sơn thì quen gọi là đền Nghè.

Cũng giống như đền thờ bà Lê Chân ở quận Lê Chân, Hải Phòng, đền thờ thần Diêm Tước cũng được gọi là đền Nghè. Sở dĩ đền được gọi như vậy là vì “Nghè” là một danh từ chung chỉ nơi thờ cúng (Theo bản thân tích Diêm Tước năm 1938 của nhân dân Đồ Sơn), “Nghè” cũng có nghĩa là đền và chỉ được dùng khi trong đó thờ vị thần (nhiên thần hoặc nhân thần). Đồng thời vị thần đó được coi như Thành Hoàng hoặc chủ thần có công khai khẩn lập đất và trợ giúp nhân dân sinh sống làm ăn. Thần Diêm Tước và bà Lê Chân đều là người có công như thế.

Theo truyền thuyết thì đền được xây dựng từ rất sớm, cùng với thời gian mà người Đồ Sơn đến mảnh đất này mở mang lập nghiệp. Bởi lẽ cũng giống như bao người Việt khác mỗi khi đến một vùng đất mới để làm ăn người ta thường tìm cho mình một vị thần bảo trợ, giúp họ trong cuộc sống, sản xuất. Người Đồ Sơn đến mảnh đất này chủ yếu là những người làm nghề đi biển. Họ phải đối mặt với rất nhiều gian nan, thử thách, sóng dữ nơi biển cả. Vì thế với tấm lòng thành kính thần linh mọi người đã tôn thờ vị thần hộ mệnh trên biển khơi và lập ngôi đền tế thần để cầu mong thần cho họ được xuôi chèo mát mái.

Tương truyền có một ông lão đêm ấy nằm mộng thấy Thủy thần hiện lên khuyên lập đền ở chân núi Tháp. Sáng hôm sau ông lão dậy thật sớm, một mình đi về phía núi Tháp thấy có đàn chim quần lượn trên một vùng đất địa thế đẹp. Ông lão xem xét và cho rằng ứng với mộng, liền về nói với dân làng, dân làng bèn lập đền tại đó.

Đền xây xong nhưng duệ hiệu của thần là gì thì không ai hay. Vì thế mọi người tiến hành cúng tế suốt một tuần trăng, vào ngày cuối cùng của cuộc tế người ta đặt trong đền một mâm gạo rồi tắt cả ra khỏi đền. Vài ngày sau quay trở lại thấy một vết chân chim in trên mâm gạo, mọi người mới hiểu duệ hiệu của

thần là Diêm Tước. Sau đó đem tấu lên triều đình, nhà vua bèn ban thần hiệu cho Thần là “Diêm Tước chi thần” (vị thần vết chân chim).

Còn trong một truyền thuyết khác thì nói rằng : Vào năm ấy ngoài khơi có thủy quái đầu Rồng mình Trâu đến phá hoại các xóm vạn chài, bắt dân cư mỗi năm phải cúng cho nó một “ thiện nam” tại Vụng Mát. Trước sức mạnh và sự tàn ác của thủy quái, nỗi đau mất mát ngày càng đè nặng lên đời sống của các ngư dân vạn chài, từ đó họ luôn cầu thần khẩn phật ra tay cứu giúp. Thế rồi vào một đêm mưa to gió lớn, sấm sét xé trời, biển nổi sóng dữ dội. Sáng ra thấy xác thủy quái chết nổi, xác dạt vào bờ, trên cổ có vết chân chim, máu từ đó chảy ra không biết cơ man nào mà kể. Dân chúng mới hay đêm qua thần đánh nhau với thủy quái để trừ họa cho dân. Từ đó xóm vạn chài trở lên yên vui, do có vết chân chim trên họng Thủy quái nên nhân dân Đồ Sơn đã gọi thần là “Thần vết chân chim” – Thần Diêm Tước.

Thần Diêm Tước không kể vào “Bát bộ tôn thần” vì Thần được coi là vị thần tối cao, đứng đầu tất cả (chủ thần). Đồng thời là Thành Hoàng chung cho cả vùng Đồ Sơn. Trong sách “Đồ Sơn tổng sắc chi thần” có ghi 16 đạo sắc phong của các vương triều phong kiến, từ năm Lê Đức Long thứ 6 (1634) đến năm Lê Cảnh Hưng thứ tư (1743). Sau thần Diêm Tước lại được gia phong thêm hai chữ “Hùng Trấn” do đã có công trong việc coi giữ một vùng của ngõ phía Bắc.

Bài vị thờ thần Diêm Tước được đặt trang trọng trong Hậu cung của đền. Hậu cung này cũng được xây từ rất sớm, không rõ từ năm nào nhưng tiền sảnh mới được dựng từ thời Tự Đức năm 28 (1875), chữ vẫn còn chạm rõ ở xà đền. Năm 1988 đền được trùng tu, cùng năm đó người dân Đồ Sơn đã đặt tượng “Lục vị Tiên Công” thờ chung với thần.

Đến năm 2005 đền Nghè được xây mới lại hoàn toàn, kiến trúc của đền mới được mô phỏng theo kiến trúc của đền Nghè xưa. Theo ông Bùi Văn Ninh người trông coi đền thì vị trí của đền Nghè ngày nay cao hơn so với vị trí cũ. Trước kia đền nằm gần sát mặt đường nhưng khi xây lại nhân dân phường Quyết

Tiền đã tiến hành san núi lún sâu vào trong núi nên đền mới có quy mô lớn như hiện nay. Từ mặt đường phải bước qua 21 bậc thang mới lên đến sân đền.

Cũng theo ông Bùi Văn Ninh thì vật liệu dùng để xây đền chủ yếu bằng gỗ lim nhập từ Campuchia về. Hiện nay trong khuôn viên đền ngoài ngôi đền chính điện đặt ban thờ chung cho các thần và ban thờ “Lục vị Tiên Công” còn có Hậu cung là nơi để bài vị của Thần Điem Tước ở bên tay phải của ngôi đền chính điện. Trước sân đền là lầu hóa vàng mới được xây dựng vào năm 2009.

Di tích đền Nghè - Đồ Sơn hội tụ đủ cả hai yếu tố vật thể và phi vật thể để trở thành một di sản văn hoá rất có giá trị, được xây dựng và tồn tại trong một không gian văn hoá mang đậm bản sắc dân tộc.

2.3.2.2. Lễ hội chọi Trâu và các nghi lễ tâm linh diễn ra ở đền Nghè

Đền Nghè là một chốn linh thiêng của người đi biển, dần dần trở thành anh linh tôn kính của nhân dân cả vùng Đồ Sơn. Trong *Bản khai thần tích phố Đồ Sơn, phố Đồ Hải, xã Ngọc Xuyên, tổng Đồ Sơn, phủ Kiến Thụy, tỉnh Kiến An năm 1938* của chức sắc Đồ Sơn ghi rõ : “Ba làng vẫn thờ chung một vị tôn thần Điem Tước, thần là đức thiên thần, tên hiệu là Điem Tước ... Đền thờ Ngài đến bây giờ không có vị thần nào thờ chung với ngài cả ... thờ Ngài ở Nghè chân núi Tháp Sơn (Ngọc Xuyên) và đình Công (Đồ Sơn) cùng đình tư các xã thôn (Đồ Sơn : 3 đình, Đồ Hải : 1 đình, Ngọc Xuyên : 1 đình), chỉ có Nghè chính là nơi chân núi rậm, còn các đình đều ở đồng bằng cả. Chốn Nghè chỉ để thờ cúng mà thôi, còn các đình ngoài sự thờ phụng thì họp bàn việc công nữa ...”

Như vậy mới thấy ngôi đền này có một vị trí quan trọng như thế nào đối với người dân Đồ Sơn. Ngoài các nghi lễ tâm linh được thực hiện ở đây thì tất cả các việc khác của làng đều phải đến đền khác. Hàng năm ở ngôi đền này tổ chức các nghi lễ sau :

Ngày	Lễ
9/ giêng	Khai xuân
3/3	Mẫu Thiên

Một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng ở Đồ Sơn và vai trò của nó đối với sự phát triển du lịch

8/6	Chọi trâu vòng loại
9/8	Chọi trâu vòng chung kết
9/12	Tất niên

Trong tất cả các lễ diễn ra tại đền Nghè thì Phần lễ của hội Chọi Trâu là quan trọng nhất và được tổ chức quy mô nhất. Bởi lẽ nguồn gốc của lễ hội chọi Trâu có liên quan đến thần Điem Tước : “Dân làng cho rằng thần đã diệt họa, mới mua trâu về để mổ nhằm lễ tạ thần. Những con trâu lạ từ các nơi đưa về tự dung chọi nhau”. Từ đó mỗi năm trước khi mổ trâu tạ thần dân làng cho những con trâu đó chọi nhau, dần thành tục, thành lễ hội.

Lễ hội chọi trâu là một lễ hội truyền thống của người dân Đồ Sơn. Đây không chỉ là lễ hội gắn với tục thờ cúng thủy thần và tục hiến sinh mà còn thể hiện tinh thần thượng võ, tính táo bạo và lòng quả cảm rất độc đáo của người dân miền biển, Hải Phòng.

Theo cuốn “*Lịch sử người Thăng Long*” của Hà Ân viết : “... Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng đến xem hội chọi trâu ở Đồ Sơn, gặp Kì Vĩ đã cứu Nhượng Vương khỏi nạn cướp mới kết nghĩa huynh đệ” thì hội chọi trâu đã có từ đời Trần.

Lễ hội chọi trâu cũng như nhiều lễ hội khác có hai phần, phần lễ và phần hội đan xen. Phần lễ của hội chọi Trâu được tổ chức vào ngày 8/6 âm lịch và ngày 9/8 âm lịch hàng năm, các vị cao niên trong làng ra làm lễ tế thần Điem Tước tại đền Nghè. Trong đó ngày mùng 9/8 được coi là ngày chính hội. Những làng có trâu chọi đều phải cho trâu ra làm lễ Thành Hoàng. Sau khi làm lễ thần, trâu chọi chính thức được gọi là "Ông trâu", là biểu tượng của tâm linh, là niềm tin, và là ước vọng của người dân nơi đây. Phần hội diễn ra vào chính hội (9/8) với nhiều hoạt động mang đậm bản sắc dân tộc. Các Ông trâu sau khi làm lễ tế thần được mang ra chọi trong tiếng hò reo của tất cả mọi người.

Lễ hội kết thúc Trâu giải nhất được rước bát hương đền Nghè về đình làng, rước cờ “Đại Thượng đẳng thần” về làng. Theo quan niệm cổ xưa, nếu trâu làng nào thắng trận trong lễ hội, năm ấy cả làng sẽ gặp nhiều may mắn, mưa thuận gió hoà, mọi người bình yên trong suốt hành trình đi biển.

Theo tập tục của từng địa phương các trâu tham gia chọi dù thắng hay thua đều phải giết thịt. Ngày mùng 10 là ngày các làng mổ Trâu, lấy một bát tiết cùng một ít lông của trâu (mao huyết) để cúng thần, đến ngày 16 đổ xuống ao để tiễn thần. Mọi người cùng ăn chúc phúc. Truyền rằng, sau khi ăn thịt con trâu thắng cuộc, mọi người sẽ gặp được may mắn, đặc biệt là những người dân đi biển. Nhưng ý nghĩa hơn cả, lễ hội chọi trâu mang đậm nét văn hoá tâm linh của người dân miền biển đã và đang trở thành điểm đến hấp dẫn của du khách, góp phần tạo nên phong cách rất riêng cho một vùng duyên hải.

2.3.3. Đền Bà Đé

2.3.3.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Đền Bà Đé được xây vào năm 1736 là một trong những ngôi đền nổi tiếng về danh thắng và linh thiêng, nằm ở chân núi Độc, thuộc phường Ngọc Hải, quận Đồ Sơn, Hải Phòng. Đền thờ bà Đé - người con gái tài hoa nhưng có một cuộc đời bất hạnh. Mặt đền hướng ra biển, lưng tựa vào núi. Đền không lớn, kiến trúc đơn giản nhưng cái thế rất uy linh huyền bí. Từ xa nhìn vào, đền lẫn vào núi hòa vào đất trời mộc mạc, dung dị. Nơi đây quanh năm gió thổi mang theo hơi thở nồng ấm và sự mặn mà của biển. Từ khi được xây dựng ngôi đền đã là điểm dừng chân của biết bao tao nhân mặc khách như Vua Tự Đức, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Khuyến ... Hiện nay trong đền vẫn còn lưu lại rất nhiều bài thơ, câu đối ca ngợi lòng chung thủy, sắt son, đồng thời cũng thể hiện nỗi niềm thương cảm đối với số phận của người con gái tài hoa này.

Tuy nhiên trải qua các cuộc chiến tranh, ngôi đền đã bị đổ nát. Năm 1952 một số người có tâm đã xây đền thờ Bà Đé ở chân núi Tu Vè do bà Thông Ái làm chủ đền. Năm 1958 đền được đưa trở lại phía Bắc chân núi Độc như ngày

xưa. Nhưng ngôi đền mới được xây lại không mô phỏng theo ngôi đền cũ. Cái Hang đá, chiếc cối đá, đoạn dây thừng, bát hương thờ bà xưa không còn. Đây là những vật chứng nói lên nỗi oan tình của Bà Đé, nó còn có ý nghĩa tố cáo chế độ phong kiến Lê – Trịnh cùng cái hủ tục độc ác đối với người phụ nữ hoang thai. Những vật chứng đối với các vị thần được tôn thờ không còn, người xây dựng lại không căn cứ vào điển tích vị Thần được thờ để xây dựng đền. Điều này đã làm mất đi nét đặc thù riêng của ngôi đền.

Những năm gần đây người ta kè đá lán biển làm cho quy mô của đền vì thế mà được mở rộng hơn. Đồng thời cho đúc thêm chuông treo ở trước sân đền. Cơ sở vật chất của đền đã có phần khang trang hơn trước.

2.3.3.2. Truyền thuyết về Bà Đé

Tương truyền Bà Đé là con vua Lê Anh Tông (1545 – 1569) xinh đẹp, tài giỏi hơn người. Thi khoa thứ nhất bà đỗ Thám hoa, khoa thứ nhì đỗ Bảng nhãn, khoa thứ ba thi Đình trường kì đã cất lên cao, nghe ba tiếng trống bước vào làm văn bà đỗ Trạng Nguyên

“Bảng vàng chói lọi cầm tay

Lọng dù che ngựa đến ngay sân Rồng”

Sau khi bà đỗ Trạng Nguyên, Trịnh Kiểm đến ép lấy bà làm vợ, bà không chịu, Chúa Trịnh cậy quyền, cậy thế cưỡng hiếp bà có mang. Con vua mà hoang thai là tội lớn vì thế nên bà đã tự vẫn.

Vua cha lạng lẽ đem Bà về khu vườn Cự núi Ngọc Long – Đồ Sơn chôn và dặn con : “Đầu thai kiếp sau con làm người dân thường cũng được, mượn cửa mà ra, mượn nhà là tùy ở lòng con”. Sau đó vua cho xây đình Ngọc Tuyên và hàng năm ngự giá đến đây.

Khoảng 200 năm sau vào năm 1718, Đồ Sơn còn hoang vắng, biển còn ăn lẹm vào các chân núi, cư dân thưa thớt. Ở phía đông nam vùng biển Đồ Sơn có đôi vợ chồng họ Đào tuổi đã cao nhưng tốt bụng, sống có nghĩa có tình, chăm chỉ làm ăn, tu thân, tích đức. Một đêm có con nhện trắng rất to sa vào lòng cụ

xin được đầu thai. Bà cụ mang thai tròn ngày, tròn tháng thì sinh ra một bé gái. Từ lúc sinh ra, người đứa trẻ đã toả hương thơm ngát, phát ánh hào quang và đi đến đâu cũng có làn mây che đến đó. Vì thế ông bà đặt tên cho con gái là Đào Thị Hương.

Cảnh nhà nghèo túng bán, nàng sớm phải đi chăn trâu, cắt cỏ cho họ hàng. Càng lớn lên nàng càng xinh đẹp bội phần, không những khéo tay hay làm mà còn có giọng hát tuyệt vời. Người ta đồn rằng mỗi khi nàng cất giọng chim như thể ngừng hót, sóng như thể ngừng vỗ và đất trời lặng phắc như muốn thâm thấu cho hết tiếng hát của nàng. Nhưng rồi hồng nhan bạc mệnh, tai họa đã ập đến với nàng vào một buổi chiều. Hoàng hôn hôm ấy cũng như hoàng hôn bao hôm khác, gió nhẹ, trời quang và biển liu thiu chuẩn bị vào đêm. Nàng dừng tay liềm đứng hát :

“Tay cầm bán nguyệt xênh xang
Bao nhiêu thảo mộc lai hàng tay ta”.

Tiếng hát vang xa ... và tiếng hát ấy đã làm cho một đoàn thuyền dừng lại. Theo tiếng hát chiếc thuyền rông trong đoàn thuyền đó tách ra và ghé vào bên. Một vùng non nước tĩnh mịch bỗng trở lên huyền ảo, xáo động. Đó chính là thuyền của Chúa Trịnh Doanh đang đi kinh lí mạn Đồ Sơn. Tiếng hát của cô thôn nữ đã làm Chúa mê mẩn, Chúa liền cho lính đi vời đến thuyền.

Và đêm ấy, một đêm trên biển, gió hây hây, trong thuyền Rồng Chúa đã không cưỡng lại được vẻ đẹp tự nhiên, mộc mạc, rất thôn dã của cô con gái họ Đào. Sợi dây định mệnh đã thít chặt vào nàng, Chúa đã bỏ qua tất cả mỹ nữ trong cung để đêm đó ân ái với nàng. Tấm thân ngọc ngà, trong trắng thơ ngây hun đúc từ biển, từ gió mặn, từ đất trời thoáng đặng đành đành cam thân phận nhỏ mọn tôi đòi.

Dẫu là bắt buộc hay tình yêu thì chuyện cùng đã rồi. Trước khi rời khỏi Đồ Sơn Chúa hứa rằng ngày một, ngày hai sẽ cho thuyền hoa đến đón nàng về cung. Nhưng ngày tháng qua đi vẫn không thấy thuyền của Chúa về đón. Trong khi đó

cái thai trong bụng nàng lớn dần, nỗi lo sợ của nàng cũng từ đáy mà lớn lên. Hoang thai là tội lớn, đó còn là nỗi nhục, tiếng xấu để đời. Gọt trọc đầu bôi vôi, dẫn giải đi đầu làng cuối chợ là lẽ đương nhiên nhưng gia đình còn phải chịu phạt vạ.

Phạt vạ! Bỏ mẹ nghèo lấy dâu ra trâu, lợn, lúa gạo mà nộp phạt cho làng. Không nộp phạt thì phải khai ra cha đưa trẻ nhưng nàng biết khai ai. Cái đêm kinh hoàng ấy chỉ có nàng và người nhà Chúa biết. Hơn nữa câu chuyện một ông Chúa có trăm gái đẹp trong cung ăn ở với một cô gái nhà quê là sự hoang đường, ngoài sức tưởng tượng của người dân thật thà, ngu muội. Không có tiền nộp phạt, không khai ra được kẻ gian dâm thì chỉ có một con đường duy nhất : tội chết.

Họ Đào thuê thuyền của họ Hoàng Đình đưa nàng ra chân núi Độc, buộc nàng vào cối đá rong dây chảo, dùng sào đẩy nàng xuống biển. Trước khi chết, nàng ngửa mặt lên trời khóc than rằng : "Phận gái thân cô, gặp chúa yêu thương tôi đâu dám chống, nhìn mẹ cha, hàng xóm tôi đâu dám quên. Xin trời phạt chúng giám cho lòng con. Khi con bị chìm xuống nước, nếu có oan ức, trời phạt cho con nổi lên ba lần". Linh ứng thay cả ba lần họ Đào đẩy nàng xuống biển, cả ba lần nàng đều nổi lên. Dường như điều đó lại càng làm cho họ Đào thêm quyết tâm giết nàng. Nàng đã ra đi nhưng oan hồn của nàng vẫn quần quanh nơi ngọn núi Độc. Đêm đêm dân làng vẫn nghe thấy tiếng nàng vọng ra từ hàng núi:

“Khi nào dây thừng mục, cối đá tan mới cởi bỏ hận thù này”.

Rồi những người ném nàng xuống nước thay nhau lần đùng ra chết. Nhiều người phải trốn đi biệt tích. Tại kinh thành, một đêm Chúa nằm mơ thấy người con gái vùng biển về đòi nợ. Chúa giật mình và chợt nhớ đến lời hứa trong đêm ái ân nơi vùng biển Đồ Sơn ngày nào, liền vội vã cho người về gấp nơi đó. Song mọi sự đã muộn, ông bà họ Đào phần vì thương con, phần vì không chịu tai tiếng nên lần lượt ra đi. Dân làng vỡ lẽ, lập tức vớt nàng lên và lập đền thờ dưới chân núi Độc để giải oan. Trong đền thờ nàng người ta để vào đó chiếc cối đá và

đoạn dây thừng, chứng tích của tội ác. Chiếc dây thừng đó mỗi năm đều phải nhuộm lại cho bền chắc và cũng còn ngụ ý rằng câu chuyện về cái chết bi thảm của nàng không được mai một, lãng quên.

Chúa Trịnh ân hận phong cho nàng là “Hậu Đế”. Từ đó người ta gọi nàng là bà Đế, đền thờ nàng gọi là đền Bà Đế.

Chúa Trịnh cũng suy vị, năm 1732 Chúa Trịnh Giang làm tới chức Đại nguyên súy, Tổng quốc chính thượng súy, Uy vương. Không rõ lời nguyên của bà Đế có linh thiêng không, 50 năm sau nhà Tây Sơn diệt Chúa Trịnh.

Đền thờ bà rất linh thiêng nhưng người dân chài mỗi khi nhuộm lưới đều khăn vái và nhuộm lại dây thừng oan nghiệt kia. Có lẽ bà Đế báo thù cũng thỏa nên khoảng 100 năm sau tàn nhang rơi xuống đốt cháy sợi dây oan nghiệt.

Vua Tự Đức về thăm đền, ban sắc phong “Đông Nhạc Đế Bà Trịnh Chúa Phu Nhân”. Trong đền bà Đế đến nay vẫn còn đôi câu thơ :

“Nhất phiến băng tâm thiên địa bạch
Kính thành nhĩ tự quý thần tri
Đế bà hương tỏa thiên thu tại
Trịnh Chúa xa loan cự tích truyền”

Dịch

“Lòng sạch như băng trời đất biết
Nỗi niềm thành kính quý thần hay
Đế Bà hương tỏa ngàn thu ấy
Chúa Trịnh xa loan truyền để đời”.

Nhân dân Đồ Sơn lấy ba ngày 24, 25 và 26 tháng 2 âm lịch hàng năm làm ngày cúng giỗ bà.

2.3.3.3 Lễ hội đền Bà Đế.

Lễ hội đền Bà Đế - Đồ Sơn được mở vào đầu tháng Giêng, kéo dài cho đến tháng Ba xuất phát từ nhu cầu giải tỏa những khuất khúc trong đời sống tâm linh của cộng đồng. Lễ hội chính của đền Bà Đế diễn ra vào các ngày 24, 25 và 26

tháng 2 âm lịch hằng năm, nhưng đối với người dân Hải Phòng, Hà Nội, Hải Dương và một số vùng quê khác thì cứ vào sau dịp Tết Nguyên đán, đền Bà Đé lại là một địa chỉ tín ngưỡng không thể không đến. Ngày nay người Hải Phòng và những vùng lân cận, ai cũng xem đó là điểm đến của những ngày đầu năm mới. Họ đến không chỉ để cầu tài, cầu lộc, cầu bình an cho mình và gia đình mà còn đến để chia sẻ và đồng cảm với người con gái xinh đẹp, thảo hiền nhưng có một cuộc đời thật bất hạnh.

Lễ hội đền Bà Đé đã góp phần làm sôi động hơn các hoạt động lễ hội ở Đồ Sơn. Tuyến du lịch tín ngưỡng gắn liền với du lịch văn hóa đã và đang được mở rộng. Cùng với lễ hội đảo Dấu, đền Nghè, tháp Tường Long, Đồ Sơn đang hình thành một tuyến du lịch tín ngưỡng – văn hóa hấp dẫn thu hút hàng vạn du khách trong và ngoài thành phố.

2.3.4 Đền Nam Hải Thần Vương.

2.3.4.1. Đảo Dấu và truyền thuyết về Nam Hải Thần Vương

Đảo Dấu (đảo Dấu) cách đất liền khoảng 2 km, được nhiều người biết đến bởi nơi đây còn bảo tồn, lưu giữ được khu rừng nguyên sinh - danh thắng thiên nhiên rất hoang sơ, cổ kính với hàng nghìn cây đa, si và nhiều loại cỏ thụ có cách đây hàng trăm năm. Nơi đây nổi tiếng với lễ hội truyền thống vào ngày mùng 8, 9, 10 tháng 2 hàng năm, thu hút hàng vạn lượt du khách đến tham dự. Nhưng sức hút của hòn đảo không chỉ đến từ các hoạt động của lễ hội này mà còn chính từ truyền thống tín ngưỡng của ngư dân miền biển được bảo tồn qua ngôi đền thờ Nam Hải thần vương, một trong những điểm linh thiêng theo quan niệm của người Đồ Sơn, nhất là với những ngư dân.

Có người cho rằng hòn đảo này xưa có tên là hòn Dấu, bởi nó được đánh dấu trên bản đồ làm mốc cho thuyền bè qua lại nhưng do tiếng địa phương không chuẩn nên Dấu gọi chệch là Dấu. Còn theo sách “Đại Nam nhất thống chí” thì nơi đây xưa có tên là đồi Song Ngư hay Cồn Dừa.

Một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng ở Đồ Sơn và vai trò của nó đối với sự phát triển du lịch

Do quan niệm của người dân, mọi thứ trên đảo đều rất linh thiêng, nếu ai lấy vật gì trên đảo đều gặp những điều không may mắn. Vì vậy trên đảo hiện vẫn còn giữ được rừng nguyên sinh với sự đa dạng sinh học cao, có nhiều loài quý hiếm.

Hòn Dấu không chỉ là hòn đảo thơ mộng mà nó còn có một vị trí đặc biệt quan trọng. Vào thời Lý – Trần nơi đây là một trong những tiền đồn của quân dân Đại Việt để chống quân xâm lược phương Bắc. Dưới thời Pháp thuộc, năm 1884 cây đèn biển trên đảo Dấu được xây dựng trên đỉnh núi của đảo. Từ lúc xây dựng cây đèn trên đảo Dấu là ngọn hải đăng quan trọng dẫn đường cho tàu thuyền ra vào cảng.

Ngày 22/ 1/ 2009, Đảo Dấu được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch công nhận và xếp hạng di tích - danh lam thắng cảnh cấp quốc gia. Trong đó sự hiện diện của ngôi đền Nam Hải Thần Vương trên đảo đã góp phần làm tăng thêm giá trị di tích của Hòn Dấu này.

Ngôi đền tuy không lớn nhưng ngày đêm nghi ngút khói hương. Nơi đây là một trong những nơi linh thiêng, sùng kính của người dân Đồ Sơn. Dân đi biển quanh vùng mỗi lần đi qua đều ghé vào đền thắp hương. Đây không phải là một thói quen mà là một tín ngưỡng có từ lâu đời. Và tập tục ấy đã trở thành một văn hóa ứng xử.

Tuy nhiên ngôi đền xây từ bao giờ thì đến nay chưa rõ. Nhưng theo truyền thuyết thì ngôi đền được xây dựng vào đời nhà Trần. Truyền thuyết kể rằng :

Vào năm 1288 khi Ô Mã Nhi từ cửa Ba Lạt ra cửa Đại Bàng để đi tìm thuyền lương Trương Văn Hổ thì bị thủy quân của vua Trần ở căn cứ Đồ Sơn đánh cho tan tác.

Hôm đó vào xâm tối ngày mùng 9/2 âm lịch dân chài đi thuyền ra hòn Dấu thấy một xác người không đầu trôi lập lờ dưới mép nước sát bờ hòn Dấu. Dưới ánh sáng mập mờ của ngọn đuốc họ nhận ra đây là xác của một vị tướng nhà Trần đã hy sinh trong trận đánh quân Ô Mã Nhi ở cửa Đại Bàng. Mọi người bảo

nhau vớt lên khâm niệm để hôm sau an táng. Nhưng sáng hôm sau mọi người vô cung kính ngạc khi thấy chỗ thi thể của vị tướng đã được môi đùn lên lấp kín. Thấy sự lạ, mọi người cùng nhau quỳ xuống thắp hương khấn, cầu xin được sửa sang phân mộ.

Những ngày sau đó người ta thấy vị võ tướng hiển linh thành một ông già râu tóc bạc phơ, lúc câu cá ở mỏm đá phía Đông đảo, lúc thắp thoáng dạo chơi nơi bãi cát ngoài biển. Mọi người khấn vái xin cho biết quý danh thì ông cười rồi gật gù chỉ ra biển. Dân Đồ Sơn đành gọi cụ là Lão Đảo Thần Vương và lập đền ngay cạnh mộ để thờ. Vì hòn Dấu nằm ở phía Nam bán đảo Đồ Sơn nên đền thờ thần đảo còn có tên Nam Hải Đại Vương.

Cũng có truyền thuyết khác cho rằng : Vào thời Lê sơ, vua Lê ngự giá kinh lý vùng Đồ Sơn và nghỉ đêm trên Đảo Dấu. Lúc ngủ, nhà vua nằm mơ thấy một ông già râu tóc bạc trắng, vai đeo chiếc giỏ đến cạnh và xưng là thần đảo. Sáng hôm sau lên thuyền, nhà vua kể lại câu chuyện cho những người cùng đi rồi nói: “Nếu là thần đảo, hãy cho ta một báo ứng”. Vừa dứt lời, một con cá quẫy mạnh nhảy lên thuyền. Thấy linh nghiệm, nhà vua bèn phong cho tước hiệu Thần Vương và truyền cho dân địa phương lập đền miếu phụng thờ.

Cũng từ đó người đi biển hẳn thấy cá nhảy lên thuyền là lập tức lễ tạ rồi thả xuống nước. Người dân Đồ Sơn và cư dân làm nghề đi biển trong vùng tin rằng vị thần trên đảo Dấu đã phù trợ cho họ được thuận buồm xuôi gió, tránh được mọi rủi ro trên biển, khỏe mạnh và dư dật. Vì vậy hàng năm họ tổ chức ba ngày hội trên đảo (mùng 8, mùng 9, mùng 10 tháng 2 âm lịch) để lễ tạ công ơn của thần.

2.3.4.2. Lễ hội đảo Dấu.

Lễ hội đảo Hòn Dấu chính là lễ hội đền Dấu. Đó là một ngôi đền cổ trên đảo nằm ở phía Nam bán đảo Đồ Sơn. Theo lời một số ngư dân thường đánh cá chung quanh khu vực, thì đây là một trong những nơi linh thiêng, sùng kính của người dân Đồ Sơn. Người dân Đồ Sơn chủ yếu sống bằng nghề đi biển, nên mỗi

lần đi qua đây họ đều ghé thuyền vào đảo lên đèn dâng hương và dần trở thành nét văn hoá ứng xử của người dân Đồ Sơn.

Và đã thành thông lệ, cứ đến tháng hai âm lịch hàng năm các dòng họ, gia đình và ngư dân trong vùng sắm lễ, thắp nhang thành kính để tỏ lòng biết ơn và cầu may. Lễ hội chính của đảo Dấu thường được tổ chức vào các ngày mùng 8, 9, 10 tháng hai âm lịch hằng năm. Đó cũng là lúc tiết trời thay đổi để ngư dân chuẩn bị bước vào mùa cá mới. Trong các ngày lễ hội, ngày mùng 9 là ngày chính hội, với phần lễ đặc trưng là tục rước đèn về đêm và té lễ, thả thuyền giấy.

Theo người Đồ Sơn, đêm mùng 9 là đêm thần hiển linh. Bởi lẽ dù trong tiết tháng 2 sóng biển vẫn nổi lên rất mạnh. Do đó việc rước đèn về đêm là rước thần hiển linh để phù hộ cho nhân dân trong vùng. Đêm ấy, cả đảo Dấu lung linh trong ánh lửa từ những ngọn đèn và trong ánh lửa người Đồ Sơn muốn gửi gắm ước mơ của mình vào thiên nhiên, vào cõi tâm linh mong cho những chuyến đi biển về khoang thuyền đầy ắp cá, tôm.

Ngày 16-3 (tức mùng 1 tháng 2 âm lịch), lãnh đạo quận ủy, UBND và các ban, ngành, đoàn thể quận Đồ Sơn tổ chức dâng hương tại Đền thờ Nam Hải Thần Vương và thượng cờ chính thức khai hội Đảo Dấu năm 2010.

Đến Đảo Dấu, ngoài thắp hương cầu may tại đền thờ “Nam Hải Thần Vương”, du khách còn có thể thả bộ leo núi lên thăm quan đèn biển Hòn Dấu, khám phá rừng nguyên sinh trên đảo.

2.4. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ HẠN CHẾ TRONG KHẢ NĂNG KHAI THÁC DU LỊCH

2.4.1. Thuận lợi

Qua những nghiên cứu trên đã khẳng định hầu hết các di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng ở Đồ Sơn đều được hình thành từ rất sớm như đền Nghè, Chùa Hang, Chùa Tháp Tường Long ... công trình xây muộn nhất là đền Bà Đé cũng vào đời Lê – Trịnh. Do đó các công trình này đều mang những đặc trưng về văn hóa của nước ta nói chung, Đồ Sơn nói riêng qua các thời kì. Đây là một lợi thế

rất lớn trong việc khai thác những di tích này nhằm mục đích tìm hiểu, nghiên cứu những giá trị văn hóa của nước ta và Đồ Sơn trong quá khứ.

Hầu hết các di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng này đều nằm ở gần các điểm tham quan, du lịch khác của Đồ Sơn. Đền Nam Hải Thần Vương nằm trên đảo Hòn Dấu – di tích danh lam thắng cảnh cấp quốc gia, cách di tích lịch sử Bến Nghiêng khoảng 2 km, Chùa Hang nằm cách bãi biển khu 1 khoảng hơn 100 m, đền Bà Đế nằm cách bãi biển khu 1 hơn 2 km, ... nên thuận tiện cho việc xây dựng những chương trình du lịch tôn giáo kết hợp với các loại hình du lịch khác.

Hơn nữa các công trình này đều được xây dựng ở những vị trí có cảnh quan rất đẹp. Du khách đến tham quan, tìm hiểu ngoài việc chiêm ngưỡng những giá trị độc đáo của di tích còn có thể cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên. Bên cạnh đó các di tích này còn nằm gần đường quốc lộ nên khá thuận tiện trong việc tiếp cận di tích.

Hiện nay cùng với chính sách phát triển du lịch, quân Đồ Sơn đã cùng với nhân dân chung tay góp sức tôn tạo, tu bổ lại di tích ngày một khang trang hơn. Chùa Hang được mở rộng, đền Nghè được xây mới với quy mô lớn hơn ngôi đền cũ, đền Bà Đế người ta tiến hành kê đá lán biển, cho đúc chuông, ... Trong năm 2010 tại Bến Nghiêng chính quyền Đồ Sơn đã cho xây dựng bãi đỗ xe, nâng cấp số tàu, thuyền lên 10 chiếc để phục vụ du khách ra tham quan đảo Dấu, thăm đền Nam Hải Thần Vương. Đặc biệt với trong những năm gần đây chính quyền quận Đồ Sơn đã và đang triển khai thực hiện dự án phỏng dựng lại tháp Tường Long – một công trình Phật giáo vĩ đại của triều Lý. Việc xây dựng này không chỉ có ý nghĩa về mặt văn hóa mà còn góp phần làm phong phú hơn nguồn tài nguyên du lịch của quận.

2.4.2 Khó khăn.

Ngoài Tháp Tường Long thì hầu hết các công trình di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng nói trên đều có quy mô khá nhỏ, kiến trúc khá đơn giản. Ngoài ra có một số công trình sau khi tu bổ không tuân theo mô hình kiến trúc trước đó,

người xây dựng lại không căn cứ theo điển tích của thần được thờ nên làm mất đi những giá trị đặc trưng. Di tích rơi vào tình trạng bị “son phân hóa” như đền Bà Đé.

Cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ du lịch, cơ sở hạ tầng của các di tích trong những năm gần đây đã có sự nâng cấp nhưng nhìn chung vẫn nghèo nàn, sự đầu tư vào các công trình lịch sử này còn ít và thiếu đồng bộ, tại các di tích như Chùa Hang, đền Nghè, Chùa Tháp Tường Long hầu như không có bãi đỗ xe. Việc xây dựng và quảng bá hình ảnh về các di tích đến khách du lịch còn nhiều hạn chế. Hơn nữa sản phẩm phục vụ khách đến du lịch : đồ lưu niệm, sách, tranh ảnh giới thiệu về di tích, sản phẩm đặc trưng của địa phương còn ít, chất lượng một số mặt hàng chưa rõ nguồn gốc vẫn được bày bán công khai như thuốc nam, thuốc bắc ở đền Bà Đé.

Ngoài ra tình trạng chèo kéo khách trong mùa du lịch vẫn diễn ra thường xuyên. Đây là những vấn đề phức tạp, nan giải cần phải giải quyết trong những năm qua đối với ngành du lịch của Đồ Sơn nói chung và Hải Phòng nói riêng.

Tiểu kết chương 2

Trên đây là những nghiên cứu về một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng cụ thể của Đồ Sơn như : Chùa Hang, Chùa Tháp Tường Long, đền Nghè, đền Bà Đé, đền Nam Hải Thần Vương. Qua đó cho ta cái nhìn toàn diện về các di tích nói trên. Đồng thời cho thấy những giá trị độc đáo cũng như hạn chế của các di tích trong vấn đề khai thác du lịch.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH VIỆC KHAI THÁC PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC DI TÍCH.

3.1. THỰC TRẠNG KHAI THÁC PHÁT TRIỂN DU LỊCH

3.1.1. Thực trạng hoạt động du lịch của quận Đồ Sơn trong những năm gần đây

Từ xa xưa Đồ Sơn là mảnh đất gắn liền với những cư dân làm nghề đi biển. Diện tích không lớn nhưng Đồ Sơn lại có một nguồn tài nguyên du lịch đa dạng và phong phú. Nơi đây tập trung khá nhiều các danh lam thắng cảnh, các di tích lịch sử văn hóa gắn liền với tên tuổi các vị anh hùng dân tộc, những sự kiện trọng đại của đất nước. Trong những năm qua với đường lối, chính sách phát triển du lịch hợp lí, Đồ Sơn đã trở thành sự lựa chọn của nhiều khách du lịch trong nước và quốc tế.

Dưới đây là bảng thống kê số lượt khách đến, doanh thu của Đồ Sơn qua các năm 2006, 2007, 2008, 2009.

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1	Tổng số lượt khách (lượt/khách)	1.400.000	1.700.000	1.970.000	2.050.000
2	Khách quốc tế (lượt/khách)	65.000	75.000	78.000	45.000
3	Khách nội địa (lượt/khách)	1.335.000	1.625.000	1.892.000	2.005.000
4	Doanh thu (tỉ đồng)	120	224,8	248	228,6
5	Tỉ lệ % khách quốc tế so với khách nội địa (%)	4,64	4,41	3,96	2,19

(Nguồn: Phòng du lịch quận Đồ Sơn)

Qua số liệu trên cho thấy trong những năm qua khách du lịch đến Đồ Sơn ngày một tăng, bất chấp cả sự suy thoái về kinh tế vào năm 2009, Đồ Sơn vẫn thu hút được khá đông đảo khách du lịch đến đây tham quan, nghỉ dưỡng. Tổng số lượt khách đến Đồ Sơn du lịch năm 2009 là 2.050.000 lượt khách tăng 147 % so với năm 2006, 120,58 % so với năm 2007, 104,06 % so với năm 2008. Tuy nhiên phần lớn khách đến đây là khách nội địa (trên 90 %), lượng khách quốc tế chỉ chiếm một lượng rất nhỏ, dưới 5 % trong tổng số lượt khách đến với Đồ Sơn, riêng trong năm 2009 lượng khách quốc tế đến Đồ Sơn giảm mạnh từ 78.000 lượt năm 2008 xuống còn 45.000 lượt .

Qua nghiên cứu cho thấy lượng khách đến Đồ Sơn chủ yếu tập trung vào mùa hè, khi thời tiết trở nên nóng hơn, thuận lợi cho việc phát triển loại hình du lịch biển. Đây cũng là thế mạnh của du lịch Đồ Sơn. Hàng năm cứ đến ngày 30/4 thì Đồ Sơn bắt đầu khai mạc mùa du lịch biển. Trong năm 2010 từ ngày 29/4 đến 2/5, Hải Phòng sẽ tổ chức Liên hoan Du lịch, dự kiến sẽ có nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao (bắn pháo hoa tầm thấp, biểu diễn dù bay, đua thuyền rồng, bóng chuyền bãi biển...). Do đó rất nhiều du khách đã chọn Đồ Sơn là điểm đến trong dịp 30/4, 1/5. Khách tăng đột biến, dẫn đến hiện tượng tắc nghẽn giao thông, các nhà hàng, khách sạn quá tải. Những khách sạn, nhà nghỉ có uy tín đã được đặt trước và hết chỗ từ cách đó cả tháng. Thời điểm này, du khách muốn đặt phòng tại Đồ Sơn phải chấp nhận mức giá gấp 2-3 ngày thường. Tình trạng khách bị “chặt chém với giá cắt cổ” mà vẫn phải sử dụng các dịch vụ du lịch ngày càng tăng cao. Đây chính là mặt hạn chế trong vấn đề khai thác phục vụ phát triển du lịch ở Đồ Sơn hiện nay.

Hơn nữa đội ngũ lao động phục vụ chuyên ngành du lịch còn ít, trình độ chuyên môn nghiệp vụ chưa cao. Những người có trình độ chuyên môn phần lớn tập trung chủ yếu trong lĩnh vực khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng. Hiện tại Đồ Sơn có trên 200 khách sạn, nhà nghỉ, 80 nhà hàng chuyên phục vụ ăn uống gồm (cả bình dân và cao cấp). Trong đó có 1 khách sạn 4 sao, 1 khách sạn 3 sao, 7 khách

sạn 2 sao, 70% các khách sạn, nhà nghỉ ở Đồ Sơn là nhà nghỉ thời bao cấp. Nhiều khách sạn vẫn do Bộ, ngành Trung ương quản lý như: khách sạn Lâm Nghiệp, nhà nghỉ Bộ quốc phòng, nhà khách thành phố ... là nguyên nhân dẫn đến sự yếu kém trong phục vụ cung ứng các sản phẩm du lịch. Tình trạng cơ sở vật chất, cơ sở kỹ thuật phục vụ du lịch của Đồ Sơn hiện nay đã được đầu tư nâng cấp song vẫn còn tồn tại nhiều yếu kém. Ở bến Nghiêng và bến tàu Đảo Dấu mỗi năm có khoảng 10.000 lượt khách du lịch từ Đồ Sơn đi thăm Đảo Dấu và Cát Bà. Nhưng hiện trạng bến bãi không có gì thay đổi nhiều so với hạ tầng được xây dựng từ thời Pháp, tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ mất an toàn. Tất cả những tình trạng này đã phần nào làm giảm đi sự hấp dẫn của tài nguyên và nó trở thành một vấn đề nan giải cần giải quyết đối với ngành du lịch Đồ Sơn nói riêng và Hải Phòng nói chung.

Mặc dù Đồ Sơn là một nơi tập trung rất nhiều di tích lịch sử văn hóa có giá trị nhưng khả năng khai thác phục vụ phát triển du lịch ở những điểm du lịch này còn nhiều hạn chế. Ngoài đền Bà Đẻ, đền Nam Hải Thần Vương là nơi thu hút được nhiều khách du lịch đến tham quan, thấp hương thì hầu hết các di tích còn lại khách du lịch đến rất ít như: Bến Nghiêng, bến Tàu Không Số, biệt thự Bảo Đại ...

Hiện nay nhận thấy rõ được hiệu quả kinh tế, xã hội mà du lịch mang lại Đồ Sơn đã và đang triển khai những dự án nhằm khắc phục những hạn chế đang tồn tại như: xây dựng bãi đỗ xe, nâng cấp một số tàu, thuyền phục vụ du khách ra tham quan đảo Dấu. Xây dựng một số công trình : sân golf, khu resort Hòn Dấu, nâng cấp và tu sửa các công trình văn hóa góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tăng thêm sự hấp dẫn đối với du khách. Mùa hè năm 2008, Công ty Công trình công cộng dịch vụ du lịch mạnh dạn đầu tư 1,5 tỷ đồng mở dịch vụ dù bay tại khu 2 Đồ Sơn, bước đầu thu hút hàng trăm du khách mỗi ngày. Ngoài ra du khách có thể tới thưởng thức các món thịt nướng, hải sản tại khu Đồ Sơn

Resort của Công ty Liên doanh du lịch quốc tế Hải Phòng tại khu Thung lũng xanh.

Đặc biệt trong những năm gần đây Đồ Sơn đã có những chính sách phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, các dự án quy mô lớn đang triển khai trong khu du lịch đã bắt đầu có hình hài. Các công trình vườn cây, thảm cỏ, công viên, khu vui chơi giải trí được đầu tư xây dựng. Dự án Hòn Dấu Resort có cả bể bơi cho khách tắm mùa Đông. Khu giải trí Nacimex Đồ Sơn tọa lạc trên khu đất 5ha tại khu 1 bãi biển Đồ Sơn, bao gồm khách sạn 5 sao 16 tầng, khu biệt thự nhà gỗ, dự án phòng dựng, tôn tạo chùa Tháp Tường Long đang được gấp rút triển khai ... Với đường lối, chính sách phát triển đúng đắn trong những năm gần đây ngành du lịch Đồ Sơn trong tương lai hứa hẹn sẽ mang lại cho du khách nhiều sự trải nghiệm thú vị, bổ ích.

3.1.2. Thực trạng khai thác và phát triển du lịch tại các điểm di tích

Quá trình nghiên cứu đã cho thấy các di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng: chùa Hang, chùa tháp Tường Long, đền Nghè đều được hình thành từ rất sớm. Các di tích này đều có những ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống tâm linh của người dân Đồ Sơn. Ở mỗi một di tích ta đều tìm thấy những giá trị độc đáo, những nét đặc trưng riêng. Điều đó đã khẳng định các di tích trên không chỉ có ý nghĩa về mặt tâm linh, văn hóa mà còn có những giá trị rất to lớn đối với du lịch. Đây chính là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá để khai thác loại hình du lịch tìm hiểu về tôn giáo, tín ngưỡng.

Những giá trị to lớn là như vậy song hiện nay thực trạng khai thác du lịch tại những điểm này còn nhiều hạn chế. Ngoài đền Bà Đế, đền Nam Hải Thần Vương là những địa chỉ khách vẫn thường tới mỗi khi đến Đồ Sơn thì hầu hết các di tích: chùa Hang, chùa Tháp Tường Long, đền Nghè vẫn còn vắng bóng khách du lịch. Theo bà Vũ Thị Ngát – người trông coi chùa Hang, ông Bùi Văn Ninh – người trông coi đền Nghè thì các di tích này ngoài cư dân địa phương và nhân dân Đồ Sơn tới thăm viếng, thắp hương thì hầu như không có khách du

lịch. Mặc dù giá trị tại những điểm di tích này không thua kém gì các điểm tham quan, du lịch nổi tiếng của Đồ Sơn. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là chính sách quảng bá, giới thiệu hình ảnh các di tích này đến khách du lịch còn nhiều hạn chế. Rất nhiều du khách khi được hỏi về đền Nghè ở Đồ Sơn đều nhầm lẫn với đền Nghè thờ bà Lê Chân ở Quận Lê Chân, Hải Phòng. Mặc dù trong những năm gần đây các di tích này đã được trùng tu, tôn tạo như đền Nghè xây mới lại hoàn toàn vào năm 2005, chùa Tháp đang được tôn tạo từ năm 2009 ... nhưng nhìn chung cơ sở vật chất kỹ thuật tại các di tích này vẫn còn nghèo nàn. Ở đền Nghè, Tháp Tường Long, chùa Hang hầu như không có bãi đỗ xe phục vụ khách du lịch đến tham quan ...

Thực tế cho thấy đền Bà Đế hiện nay là di tích lịch sử tôn giáo, tín ngưỡng được du khách lựa chọn nhiều nhất trong các di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng. Hàng năm cứ mỗi độ xuân về là khách từ Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng và một số vùng lân cận khác đổ dồn về đây để cầu tài, cầu lộc, cầu sức khỏe cho bản thân và gia đình. Riêng đầu năm 2010 đền Bà Đế đã thu hút được hàng vạn khách thập phương đến viếng đền, không phải là ngày khai hội, cũng không trùng vào ngày nghỉ nhưng rất nhiều đoàn khách về dự lễ hội. Để tiện lợi hơn cho du khách đến tham quan Ban quản lý di tích và chính quyền Đồ Sơn đã không ngừng nâng cấp một số cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật để phục vụ khách du lịch. Nếu như trước kia khi vừa đặt chân đến cổng đền Bà Đế du khách có thể cảm nhận thấy không khí ngột ngạt, cảnh chen lấn xô đẩy để vào trong đền thắp hương thì nay với sự giúp đỡ, hướng dẫn của nhà đền tình trạng này đã không còn. Dễ nhận thấy ở đây mọi thứ được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng và sạch đẹp chứ không có cảnh bát nháo thường thấy ở nhiều lễ hội.

Không có hiện tượng ăn xin, trộm cắp, hoạt động mê tín dị đoan hay cờ bạc diễn ra nơi đây. Mọi người đến lễ hội được hướng dẫn vào làm lễ và tham gia các hoạt động khá trình tự. Tuy nhiên khu vực vệ sinh lại bố trí chật hẹp ngay lối đi vào đền, gây phản cảm. Chính quyền địa phương chưa có kế hoạch bố trí

điểm, bãi gửi xe rộng hơn hiện vẫn phải căng dây trông giữ xe ngay lối đi vào, ảnh hưởng đến giao thông.

Hay ở bến Nghiêng trong năm 2010 chính quyền Đồ Sơn đã cho xây dựng bãi gửi xe, nâng cấp số tàu thuyền lên hơn 10 chiếc nhằm phục vụ chuyên chở khách tham quan từ Bến Nghiêng ra đảo Dấu, thăm viếng đền Nam Hải Thần Vương. Một chủ tàu cho biết, mỗi ngày vận chuyển khoảng 10 đoàn, mỗi đoàn 20- 30 người ra đảo, đông hơn hẳn mọi năm. Đây cũng là ngôi đền thu hút khá đông du khách đến thăm, trung bình mỗi năm có khoảng 10.000 khách du lịch lên đảo thăm quan và viếng đền.

Đặc biệt trong những năm gần đây Đồ Sơn đã cùng với Viện Khảo cổ học và Sở văn hóa thể thao và du lịch Hải Phòng tiến hành khảo cổ học tại di tích tháp Tường Long – một kì quan về Phật giáo của nhà Lý nhằm mục đích phỏng dựng, tôn tạo lại công trình này. Điều này không chỉ có ý nghĩa giữ gìn những giá trị văn hóa của cha ông mà còn có ý nghĩa trong việc khai thác du lịch. Dự án này cũng đã đi vào triển khai từ năm 2009, dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2015 và sau khi hoàn thành nơi đây chắc chắn sẽ trở thành một điểm du lịch rất hấp dẫn.

Nhìn chung việc khai thác phục vụ phát triển du lịch ở các điểm di tích nói trên tuy có nhiều cố gắng song kết quả không cao. Tình trạng cơ sở vật chất kĩ thuật tại các di tích này còn quá nghèo nàn. Vốn đầu tư vào các công trình này còn ít, sản phẩm phục vụ du lịch, đồ lưu niệm, sách, tranh ảnh về các di tích hầu như không có. Ở những điểm thu hút nhiều du khách đến tham quan như đền Bà Đẻ vẫn thấy tình trạng chèo kéo khách, các sản phẩm dịch vụ du lịch chưa rõ nguồn gốc như thuốc nam, thuốc bắc được bày bán công khai. Điều này làm giảm đi phần nào giá trị của di tích.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM ĐẨY MẠNH VIỆC KHAI THÁC PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC DI TÍCH

3.2.1. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật

Đây là vấn đề rất quan trọng góp phần vào việc khai thác phục vụ phát triển tại các điểm di tích nói trên. Bởi lẽ quá trình nghiên cứu cho thấy phần lớn các di tích này cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ du lịch còn rất nghèo nàn. Vì vậy cần có kế hoạch cụ thể để nâng cấp, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kĩ thuật đồng bộ như bãi đỗ xe, một số công trình phụ như hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện, giao thông, nhà vệ sinh, nhà khách, xây dựng bến tàu du lịch để phát triển loại hình du lịch đường biển ...

Cần có kế hoạch tôn tạo tu bổ, bảo tồn một số công trình ở các di tích đang bị xuống cấp.

Tích cực huy động vốn từ nhiều nguồn, xây dựng cơ chế phù hợp tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển du lịch.

3.2.2. Đẩy mạnh hiệu quả công tác quản lí

Chính quyền địa phương cùng chính quyền quận Đồ Sơn cần củng cố, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lí nhà nước về du lịch. Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích, động viên, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ tài nguyên, môi trường. Tăng cường kiểm tra giám sát, xử lí nghiêm các vi phạm.

Đối với ban quản lí di tích cần có những biện pháp cụ thể trong việc hướng dẫn, giúp đỡ du khách vào tham quan. Hạn chế tình hình trạng chèo kéo khách, chen lấn xô đẩy, các tệ nạn xã hội... Nhắc nhở tuyên truyền ý thức cộng đồng về trách nhiệm bảo vệ môi trường, cảnh quan chung của di tích.

3.2.3. Tăng cường đào tạo và củng cố nguồn nhân lực

Nhân tố con người đóng vai trò quan trọng nhất trong việc khai thác phục vụ du lịch. Vì thế cần phải có những kế hoạch cụ thể trong việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực này.

Xây dựng triển khai, tổ chức tốt công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch. Liên kết với các trường Đại học, Cao đẳng, trường dạy nghề để mở các lớp đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên hiểu biết sâu rộng về lịch sử, văn hóa, con người Đồ Sơn để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch.

Có những kế hoạch cụ thể để nâng cao, bồi dưỡng trình độ chuyên môn cho cán bộ, công nhân viên hoạt động trong lĩnh vực du lịch.

3.2.4. Đẩy mạnh hoạt động quảng bá, tuyên truyền và xúc tiến du lịch

Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá du lịch bằng nhiều hình thức linh hoạt, hấp dẫn, hiệu quả, chuyển tải nhiều nhất thông tin về các di tích lịch sử tôn giáo, tín ngưỡng nói trên đến mọi thị trường du lịch trong nước và quốc tế. In tờ rơi, áp phích quảng cáo hình ảnh các di tích tới khách du lịch.

Tổ chức những sự kiện lớn về văn hóa, thể thao, du lịch tại Đồ Sơn, kết hợp giới thiệu hình ảnh các di tích trên với hình ảnh du lịch của Đồ Sơn nhằm mục đích quảng bá sâu rộng tới du khách.

Xây dựng những thương hiệu, sản phẩm độc đáo của địa phương nơi có di tích, tạo ra những sản phẩm mang tính đặc trưng góp phần thúc đẩy du lịch phát triển.

3.3. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH CỤ THỂ

3.3.1 Chương trình 1: Hà Nội – Đồ Sơn (2 ngày 1 đêm)

(Phương tiện: Ô tô)

Ngày 1: Hà Nội - Đồ Sơn

Sáng 6h 30: Xe đón quý khách tại điểm hẹn đi Đồ Sơn. Quý khách ăn sáng tại Hải Dương. Sau đó lên xe đi Đồ Sơn. Tới Đồ Sơn xe đưa quý khách tham quan đền Bà Đẻ, Chùa Hang.

11h 30 : Ăn trưa, nhận phòng tại khách sạn và nghỉ ngơi.

Chiều : Xe đưa Quý khách tham quan Biệt thự Bảo Đại, khu resort Hòn Dấu, tự do tắm biển hoặc tắm tại bể bơi của Resort.

Tối : Ăn tối tại khách sạn, sau đó xe đưa quý khách đi tham quan bên ngoài Casino, ngắm cảnh biển Đồ Sơn lúc về đêm.

Ngày 2 : Đồ Sơn – Hà Nội

Sáng 7h30 : Ăn sáng, lên xe đi thăm đảo Hòn Dấu – di tích danh lam thắng cảnh cấp quốc gia, thăm đền thờ Nam Hải Thần Vương – ngôi đền linh thiêng của người đi biển, thăm cây đèn biển.

11h 30 : Ăn trưa tại khách sạn, nghỉ ngơi, trả phòng khách sạn.

13h 30 : Lên xe về Hà Nội, quý khách sẽ có thời gian mua sắm đồ hải sản tươi sống ở chợ Cầu Vòng để làm quà.

17h 30 : Xe đưa quý khách về điểm hẹn. Kết thúc chuyến tham quan.

3.3.2. Chương trình 2: Hải Dương – Đồ Sơn (2 ngày 1 đêm)

(Phương tiện : Ô tô)

Ngày 1: Hải Dương – Đồ Sơn

Sáng 7h 30 : Xe đón quý khách tại điểm hẹn đi Đồ Sơn. Tới Đồ Sơn xe đưa quý khách đi tham quan Biệt Thự Bảo Đại, Casino Đồ Sơn – sông bạc chuyên nghiệp đầu tiên tại Việt Nam, di tích lịch sử Bến tàu không số.

11h 30 : Ăn trưa, nhận phòng tại khách sạn và nghỉ ngơi.

Chiều : Xe đưa Quý khách tham quan Khu Resort Hòn Dấu, tự do tắm biển, khám phá khu du lịch Đồ Sơn.

Tối : Ăn tối tại khách sạn, nghỉ ngơi.

20h 30 : Quý khách ra bãi biển tham gia chương trình lửa trại do hướng dẫn viên thực hiện. Quý khách sẽ cùng nhau đàn hát, nhảy múa và tham gia những trò chơi xung quanh đồng lửa như: “đi tìm nhạc trưởng”, “bịt miệng gọi tên”, “lách cách đùng”...

Ngày 2 : Đồ Sơn – Hải Dương

Sáng 7h30 : Ăn sáng, xe đưa quý khách đi tham quan khu di tích đền Nghè, Đình Ngọc Xuyên, đình Long Sơn, thăm Suối Rồng, Cây đa cổ thụ và cây thị bảy chồi nghìn năm tuổi.

Một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng ở Đồ Sơn và vai trò của nó đối với sự phát triển du lịch

11h 30 : Ăn trưa tại khách sạn, nghỉ ngơi, trả phòng khách sạn

13h30 : Lên xe về Hải Phòng, tham quan chùa Dur Hàng – một ngôi chùa cổ của người Hải Phòng. Quý khách có ít thời gian để mua đồ tại chợ Ga Hải Phòng.

17h30 : Xe đưa quý khách về điểm hẹn. Kết thúc chuyến tham quan.

Chương trình trên bao gồm:

- Ô tô máy lạnh, khách sạn 2 – 3 người / phòng, phòng khép kín có nóng lạnh, điều hòa, ti vi.
- Nước + khăn lạnh.
- Các bữa ăn theo chương trình.
- Vé thắng cảnh, Hướng dẫn viên nhiệt tình, kinh nghiệm.
- Bảo hiểm du lịch.

Không bao gồm: Đồ uống, phòng đơn, chi phí cá nhân khác ngoài chương trình, VAT.

Lưu ý: Trẻ em dưới 5tuổi miễn phí, từ 5 – 10 tuổi tính bằng 50% giá người lớn, trên 10 tuổi tính 100% giá người lớn.

Tiểu kết chương 3

Trên đây là thực trạng phát triển du lịch chung của quận Đồ Sơn, thực trạng khai thác phục vụ phát triển du lịch tại các điểm di tích. Qua đó làm rõ hơn về những thế mạnh cũng như những hạn chế còn tồn tại ở các di tích này. Từ đó đề xuất một số biện pháp hữu hiệu nhằm khắc phục phần nào những hạn chế đó, góp phần làm tăng cường khả năng khai thác phục vụ phát triển du lịch ở các điểm di tích trên nói riêng và du lịch của Đồ Sơn nói chung.

KẾT LUẬN

Quá trình nghiên cứu đề tài: “Một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng ở Đồ Sơn và vai trò của nó đối với phát triển du lịch” đã cho thấy những giá trị độc đáo có ở bản thân mỗi di tích. Những di tích này được hình thành từ rất sớm và gắn liền với cuộc sống của người dân Đồ Sơn. Sự tồn tại của các di tích nói trên đã minh chứng cho nền văn hóa từng phát triển qua nhiều thời kì khác nhau ở Đồ Sơn. Ở bản thân mỗi di tích không chỉ mang ý nghĩa về mặt tâm linh đối với người dân Đồ Sơn mà còn mang ý nghĩa khác nhau trên các lĩnh vực văn hóa, kiến trúc, lịch sử, ...

Đồng thời qua nghiên cứu ta thấy rằng mặc dù những di tích lịch sử tôn giáo có những giá trị nhất định trong khả năng khai thác phục vụ du lịch. Tuy nhiên thực trạng khai thác tại các di tích này còn nhiều vấn đề bất cập cần phải giải quyết. Bản thân các di tích chưa được khai thác hết giá trị của nó, đây có lẽ là vấn đề khá phức tạp, nan giải đối với ngành du lịch du lịch của Đồ Sơn nói riêng và Hải Phòng nói chung.

Từ việc nghiên cứu này ngoài việc hiểu rõ hơn về những giá trị độc đáo của các di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng nói trên, tác giả rất mong có thể một phần nào đó đưa hình ảnh của các di tích này tới khách du lịch, góp phần nâng cao giá trị của di tích, làm phong phú hơn sản phẩm du lịch của Đồ Sơn. Từ đó thúc đẩy du lịch phát triển, thu hút khách du lịch đến với Đồ Sơn ngày một đông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thị Hải Yến, *Tài nguyên du lịch*, Nhà xuất bản giáo dục, 2009.
2. Bùi Thị Hải Yến, *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, Nhà xuất bản giáo dục, 2009.
3. GS. Viện sĩ Trần Ngọc Thêm, *Tìm hiểu về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2006.
4. Tổng cục chính trị, *Một số hiểu biết về tôn giáo, tôn giáo ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân Hà Nội, 1993.
5. Đình Kính – Lưu Văn Khuê, *Đồ Sơn thắng cảnh và du lịch*, Nhà xuất bản Hải Phòng, 1997.
6. Đình Phú Ngà, *Đồ Sơn lịch sử và lễ hội chọi Trâu*, Nhà xuất bản văn hóa thông tin – Hà Nội, 2003.
7. Chu Quang Trứ, *Ngôi chùa trong kiến trúc thời Lý*, Trang Web: www.daitangkinhvietnam.org.
8. Trang Web: www.Haiphong.gov.vn
9. Trang Web: www.doson.vn.
10. Thích Nguyên Tạng, *Ảnh hưởng Phật giáo trong đời sống người Việt*, trang Web: www.daitangkinhvietnam.org.

PHỤ LỤC



Chùa Hang – phường Vạn Sơn – Đồ Sơn



Sư Bần – Tổ sư Phật Quang

Một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng ở Đồ Sơn và vai trò của nó đối với sự phát triển du lịch



Tháp Tường Long – phường Ngọc Xuyên – Đồ Sơn



Di vật tháp Tường Long

Một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng ở Đồ Sơn và vai trò của nó đối với sự phát triển du lịch



Đền Nghè – phường Vạn Hương – Đồ Sơn



Lầu hóa vàng ở đền Nghè – Đồ Sơn

Một số di tích lịch sử tôn giáo tín ngưỡng ở Đồ Sơn và vai trò của nó đối với sự
phát triển du lịch



Đền bà Đế - phùng Ngọc Hải Đồ Sơn



Đền Nam Hải Thần Vương – phùng Vạn Hương – Đồ Sơn